

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 98 /DBC-VP HĐQT
V/v: CBTT Báo cáo thường niên
và Báo cáo phát triển bền vững
năm 2019

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

- 1. Tên tổ chức:** Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam
- Mã chứng khoán: DBC
- Địa chỉ trụ sở: Số 35 Đường Lý Thái Tổ, TP.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại liên hệ: 0222 3826077 Fax: 0222 3896000
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Huệ Minh - Chánh văn phòng Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.
Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững năm 2019

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2020 tại đường dẫn: www.dabaco.com.vn.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

*** Tài liệu đính kèm:**
- Báo cáo thường niên & Báo cáo phát triển bền vững 2019.

**TL.CHỦ TỊCH HĐQT
CHÁNH VĂN PHÒNG HĐQT**

Nguyễn Thị Huệ Minh



DABACO GROUP

BÁO CÁO

T H Ư Ờ N G N I Ê N

Dabaco tự hào thiết lập nên mặt bằng tiêu chuẩn mới trong lĩnh vực nông nghiệp, tiên phong dẫn dắt thị trường và chủ động tạo ra sự đột phá trong từng sản phẩm, kiến tạo tương lai và mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho người lao động và người tiêu dùng.

60 Đơn vị thành viên

10 Top 10 thương hiệu thức ăn chăn nuôi

50 Top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam



**Mang lại sự giàu sang cho người chăn nuôi
sự phồn vinh cho đất nước**



0222 3 895 111



www.dabaco.com.vn



contact@dabaco.com.vn



facebook.com/dabaco.com.vn



DABACO GROUP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
DABACO GROUP



2019

Ngày 25 tháng 03 năm 2020

TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Quá trình hình thành và phát triển
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2019 là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7%, tổng sản phẩm trong nước đạt kết quả ấn tượng, với tốc độ tăng 7,02%, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá vượt mốc 500 tỉ USD, CPI bình quân tăng 2,79% so với năm 2018,... Đây là những con số ấn tượng làm nên bức tranh kinh tế đầy màu sắc trong năm 2019.

Bên cạnh những thuận lợi, năm 2019 cũng đối mặt với hàng loạt khó khăn

chung của nền kinh tế thế giới như: căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Đối với ngành chăn nuôi, đây là một năm có nhiều biến cố, đặc biệt là chăn nuôi lợn do chịu thiệt hại nặng nề từ dịch tả lợn Châu Phi. Từ ca phát hiện đầu tiên vào giữa tháng 2, chỉ đến đầu quý III, dịch đã bùng phát và lây lan 63 tỉnh, thành phố với hàng triệu con lợn bị tiêu huỷ. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo tập đoàn Dabaco đã chỉ đạo sát sao yêu cầu các đơn vị chăn nuôi kiểm tra giám sát nghiêm ngặt quy trình phòng dịch, bảo vệ an toàn cho đàn lợn. Những tháng cuối năm, thị trường có nhiều tín hiệu tích cực về giá, các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 ở mức cao, đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng mạnh mẽ của cả Tập đoàn.

Năm 2020 được dự đoán là năm cực kỳ khó khăn của kinh tế toàn cầu do ảnh hưởng từ dịch viêm phổi cấp (COVID19), đồng thời dịch tả lợn Châu Phi vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ tái bùng phát đòi hỏi Ban lãnh đạo Tập đoàn phải thực sự nhạy bén, linh hoạt và có những quyết sách phù hợp, kịp thời, cũng như xây dựng kịch bản tăng trưởng, triển khai quyết liệt từng nhóm giải pháp đối với từng đơn vị, tiết kiệm triệt để nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản xuất. Chúng tôi tin tưởng rằng bằng kinh nghiệm, bản lĩnh cũng như năng lực tài chính, nhân sự, khoa học kỹ thuật sẵn có, Tập đoàn Dabaco quyết tâm sẽ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao phó, hứa hẹn sẽ gặt hái nhiều thắng lợi mới, thành công mới.

Thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV Tập đoàn DABACO Việt Nam, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông, đối tác, bạn hàng đã tin nhiệm, đầu tư và đồng hành cùng DABACO.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Như Sơn

I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY



Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam
Mã số doanh nghiệp:	2300105790
Vốn điều lệ:	910.998.280.000 đồng
Vốn chủ sở hữu:	3.025.957.478.860 đồng
Địa chỉ:	Số 35 đường Lý Thái Tổ, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại:	0222 3826077 - 3895111
Fax:	0222 3896000 - 3825496
Email:	contact@dabaco.com.vn
Website:	www.dabaco.com.vn
Mã chứng khoán:	DBC
Sàn niêm yết:	Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HSX)



TẦM NHÌN

Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp – thực phẩm với chuỗi giá trị bền vững; Tiên phong ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp một cách hiệu quả nhất.

i

SỨ MỆNH

Kiểm soát chuỗi giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp thực phẩm, mang đến cho cộng đồng sản phẩm & dịch vụ có chất lượng tốt, an toàn, hiệu quả bằng sự trân trọng và trách nhiệm cao nhất. Qua đó góp phần phát triển và nâng tầm vị thế thương hiệu nông nghiệp-thực phẩm Việt trên thị trường Quốc tế.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Theo đuổi việc xây dựng nền nông nghiệp bền vững, tập trung mọi nguồn lực với mục tiêu phát triển kinh doanh công nghiệp thực phẩm khép kín, hiện đại. Mang đến giá trị dựa trên triết lý 3 lợi ích "Lợi ích cho đất nước, người dân và Công ty".

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

"Phát triển thành Tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín (mô hình 3F) gồm: "Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao (Food - Thực phẩm) song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO".



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1996

Thành lập Công ty với tên gọi đầu tiên là Công ty Nông sản Hà Bắc.

1997

Xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Đồi Bắc công suất 5 tấn/giờ và Xí nghiệp gà giống công nghiệp Lạc Vệ.

1998 1999

Thành lập Chi nhánh công ty tại Hà Nội và Cửa hàng xăng dầu tại xã Lạc Vệ.

2000 2003

Thành lập Xí nghiệp giống gia súc, gia cầm Thuận Thành. Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Topfeeds công suất 250.000 tấn/năm. Xây dựng Xí nghiệp gà giống góc ông bà siêu trứng Lạc Vệ.

2005

Khánh thành Nhà xử lý nguyên liệu Khắc Niệm. Kể từ ngày 01/01/2005, Công ty chính thức cổ phần hóa với tên gọi Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh.

2003 2004

Khánh thành Xí nghiệp lợn giống hương nạc Thuận Thành. Khánh thành Trụ sở chính của Công ty tại số 35 đường Lý Thái Tổ, Bắc Ninh. Thành lập Xí nghiệp ngan giống Pháp.

2006

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Kinh Bắc. Thành lập Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công và Xí nghiệp giống lợn Lạc Vệ.

2007

Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Bắc Ninh, Công ty TNHH MTV DABACO Tây Bắc. Khánh thành Cảng DABACO Tân Chi (giai đoạn 1).

2008

Thành lập Công ty TNHH Lợn giống DABACO, Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn DABACO, Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO và Trung tâm chẩn đoán thú y DABACO. Ngày 18/3/2008, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 29/4/2008, đổi tên thành Công ty cổ phần DABACO Việt Nam.

DABACO GROUP

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2000

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi DABACO công suất 200.000 tấn/năm; Siêu thị DABACO Lạc Vệ.

Thành lập Công ty TNHH Thương mại Hiệp Quang.

Tăng vốn điều lệ lên 254 tỷ đồng.

2010

Khánh thành Nhà máy giết mổ gà, thành lập Công ty TNHH Bất động sản DABACO, Công ty TNHH ĐTXD&PT Hạ tầng DABACO, Trung tâm thương mại DABACO Lý Thái Tổ; Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân DABACO và Công ty TNHH Nutreco.

2011

Tăng vốn điều lệ lên 436 tỷ đồng. Thành lập Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DABACO và một số doanh nghiệp dự án triển khai dự án BT

Ngày 26/3/2011, đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.

2012

Ngày 14/02/2012, tăng vốn điều lệ lên 484 tỷ đồng.

Khánh thành Nhà máy chế biến PACN DABACO Hoàn Sơn.

2015 2016

Thành lập Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam, Công ty TNHH Lợn giống DABACO Hà Nam, Công ty TNHH Lợn giống DABACO Hải Phòng, Công ty TNHH Lợn giống DABACO Phú Thọ và Trung tâm công nghệ sinh học DABACO.

Tháng 03/2016, Tăng vốn điều lệ lên 753 tỷ đồng.

Ngày 28/12/2016, khánh thành Khách sạn Le Indochina đạt tiêu chuẩn 5 sao.

Thành lập Công ty TNHH Lợn giống DABACO Lương Tài.

2013 2014

Ngày 14/02/2013, Tăng vốn điều lệ lên 627 tỷ đồng.

Thành lập Trung tâm nghiên cứu gà 9 cửa DABACO; Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia cầm DABACO; Nhà máy sản xuất con giống gia cầm; Xí nghiệp gà đẻ siêu trứng.

Khánh thành Siêu thị DABACO Gia Bình
Khánh thành Dây chuyền xử lý trứng tự động MOBA – Hà Lan.

2018

Tháng 3/2018 khai trương trung tâm gà giống gốc Dabaco Yên Thế

Tháng 4/2018, khánh thành Trung tâm thương mại DABACO Quế Võ.

Thành lập Công ty TNHH DABACO Tuyên Quang, Công ty TNHH đầu tư và phát triển cụm công nghiệp Khúc Xuyên, Công ty TNHH xây dựng đường H2.

2017

Tháng 04/2017, Tăng vốn điều lệ lên 828 tỷ đồng.

Khánh thành Trung tâm thương mại DABACO Từ Sơn; Công viên Hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh; Khu chăn nuôi tại Hà Nam, Phú Thọ, Lương Tài, Hải Phòng, Bình Phước và Nhà máy TÁC N Nasaco Hà Nam; Nhà máy sản xuất bột nhựa xuất khẩu, Nhà máy chế biến trứng DABACO; Thành lập công ty TNHH phân bón hữu cơ Việt Nhật, Công ty TNHH dầu thực vật DABACO.

2019

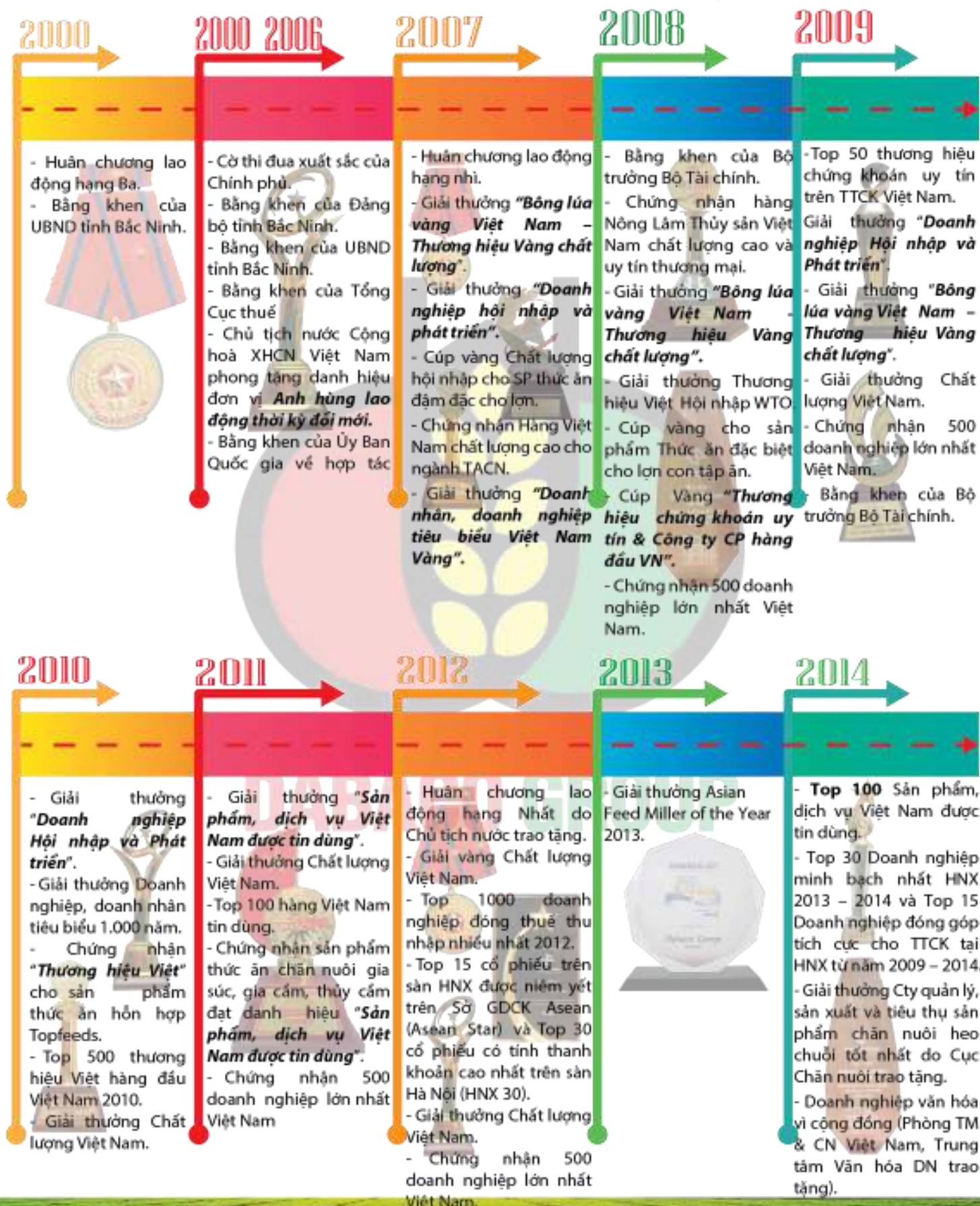
Tháng 4/2019 tăng vốn điều lệ tập đoàn lên 910 tỷ đồng
Cũng trong tháng 4 khai trương nhà hàng dabaco Từ Sơn
Tháng 5/2019, khánh thành nhà máy ép dầu thực vật DABACO

Thành lập Công ty TNHH DABACO Bình Phước bao gồm Khu chăn nuôi gà giống Công nghệ cao và Nhà máy thức ăn chăn nuôi DABACO Bình Phước.

Tháng 7/2019 có phiếu chuyển đổi thành niên yết tại sàn giao dịch thành phố Hồ Chí Minh.

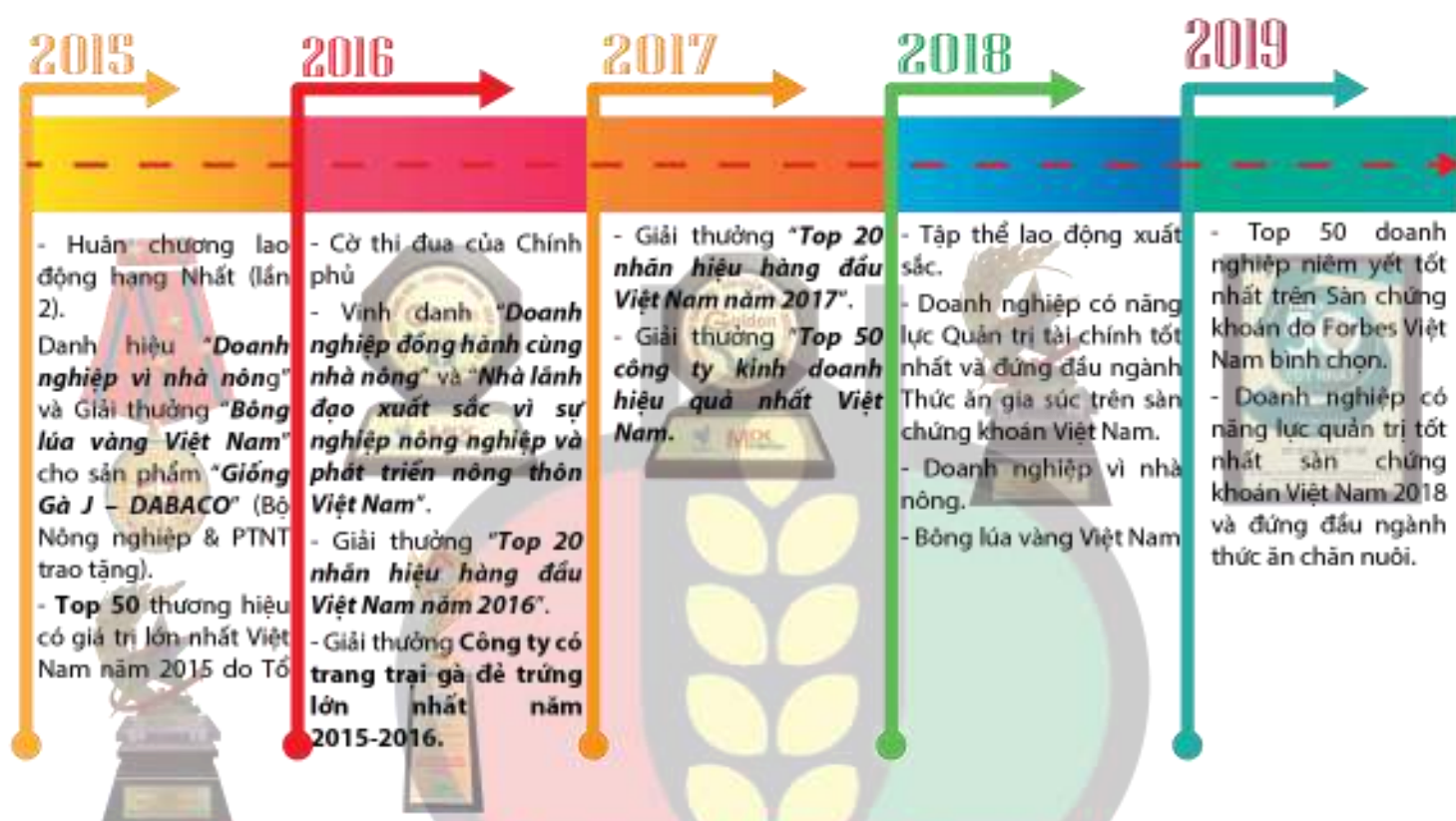
BẢNG VÀNG THÀNH TÍCH

Trong suốt quá trình phát triển, Tập đoàn Dabaco đã vinh dự nhận được nhiều danh hiệu, phần thưởng cao quý



BẢNG VÀNG THÀNH TÍCH

Trong suốt quá trình phát triển, Tập đoàn Dabaco đã vinh dự nhận được nhiều danh hiệu, phần thưởng cao quý



DANH HIỆU TIÊU BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HĐQT NGUYỄN NHƯ SƠ

Người anh hùng lao động Nguyễn Như Sơ đã dành cả những năm tháng tuổi trẻ, tâm huyết của mình để chèo lái con tàu Dabaco phát triển lớn mạnh như hiện nay.



Chủ tịch HĐQT - Nguyễn Như Sơ
nhận danh hiệu Anh hùng Lao động thời kì đổi mới



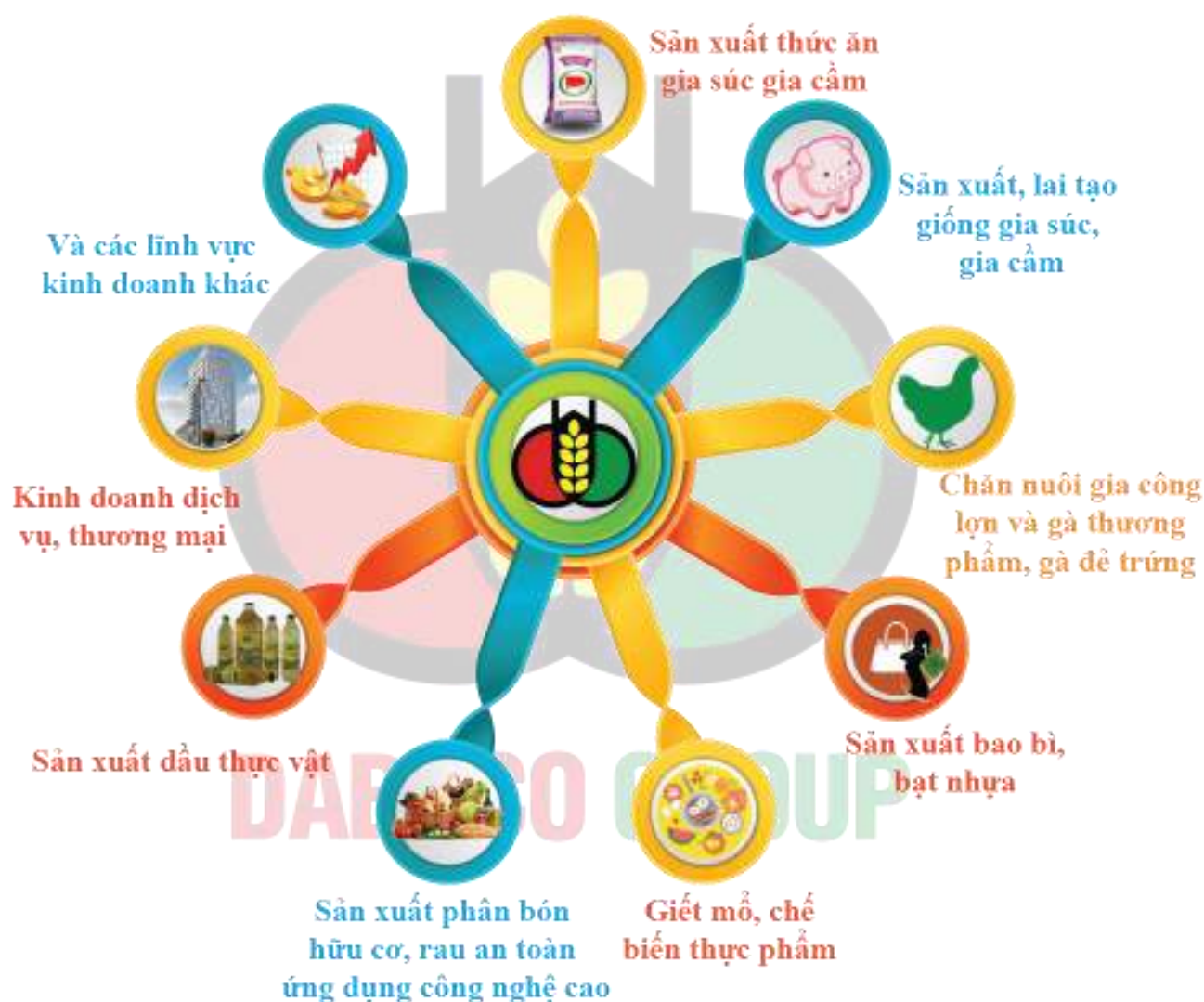
Huân chương lao động
hạng Ba

Huân chương lao động
hạng Nhì

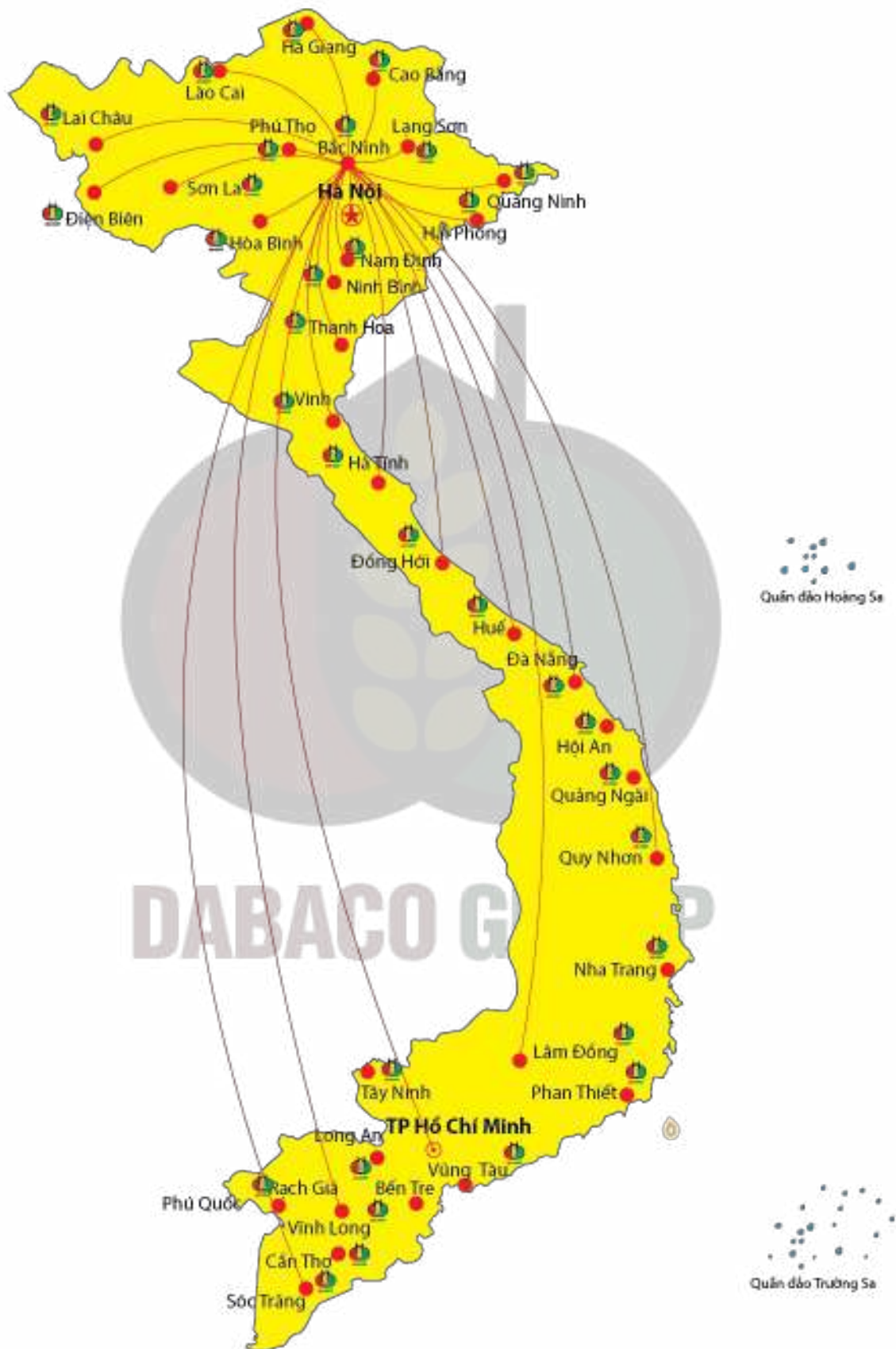
Huân chương lao động
hạng Nhất

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

Tiên phong đánh thức những lĩnh vực tiềm năng, tạo ra những giá trị cốt lõi cho ngành nông nghiệp của Việt Nam, Tập đoàn Dabaco bước qua tuổi 24 với khát vọng tiếp tục tạo thêm nhiều giá trị mới, bứt phá trên nền tảng phát triển bền vững. Tập đoàn hiện đang hoạt động chủ yếu trong 9 lĩnh vực:

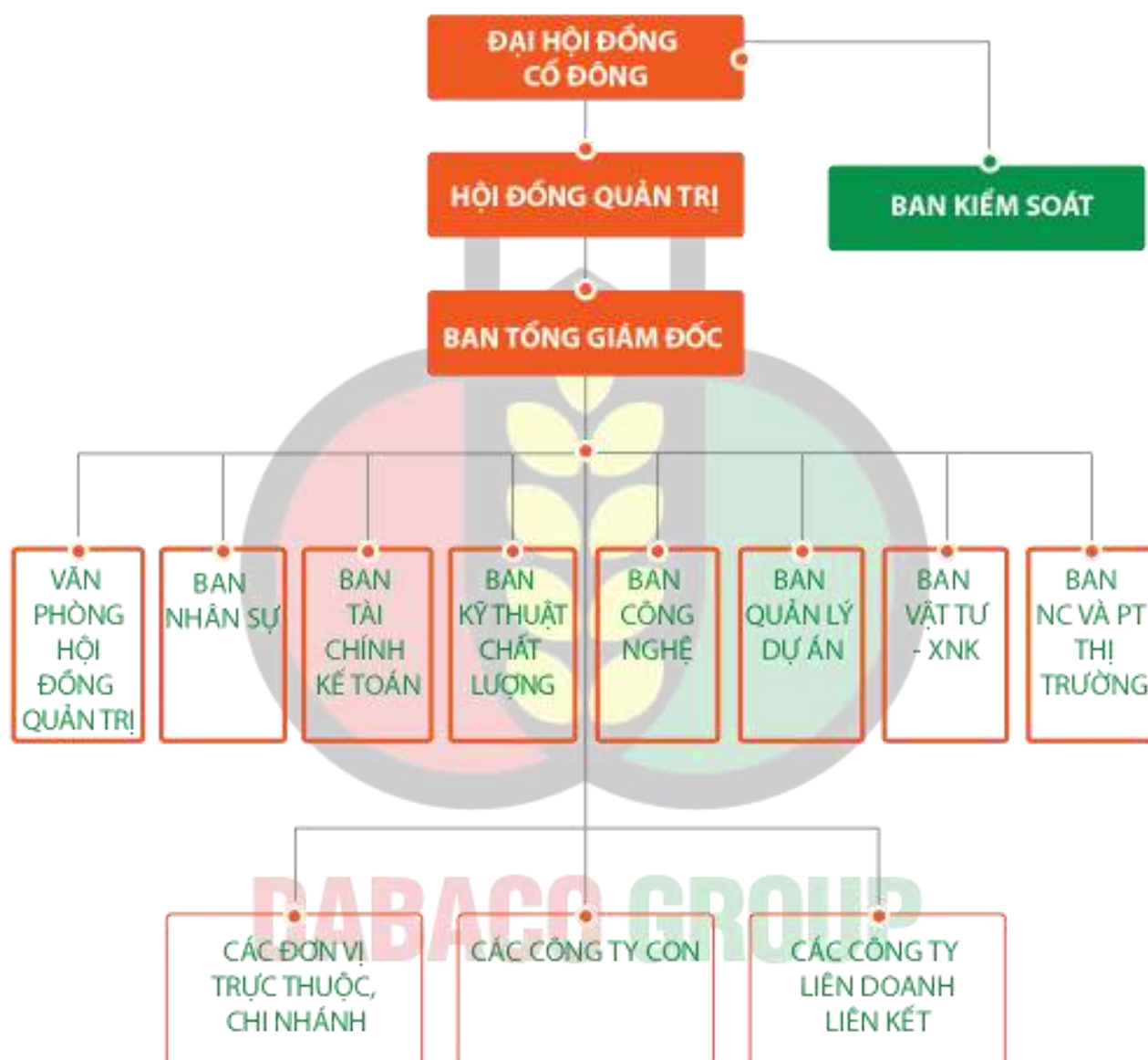


MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI



DABACO hiện trở thành một tập đoàn kinh tế đa ngành nghề có mạng lưới hoạt động trên khắp 63 tỉnh thành ; xây dựng mạng lưới phân phối trải rộng từ Bắc vào Nam

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Nhờ vào nền tảng kinh nghiệm cùng với khả năng quản lý, điều hành mang tính đột phá của Ban lãnh đạo, đã thúc đẩy công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng.

Hiện nay, Tập đoàn DABACO Việt Nam gồm có các Công ty TNHH một thành viên và các đơn vị trực thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN



NHÀ MÁY CHẾ BIẾN

THỨC ĂN CHĂN NUÔI CAO CẤP DABACO

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm - TP Bắc Ninh - T. Bắc Ninh

Tel: 0222 3 821 243

Công suất: 200.000 tấn/năm



NHÀ MÁY CHẾ BIẾN

THỨC ĂN CHĂN NUÔI CAO CẤP TOPFEEDS

Địa chỉ: Cụm CN Khắc Niệm - TP Bắc Ninh

Tel: (0222) 3 821 243 | Fax: (0222) 3 822 195

Công suất: 250.000 tấn/năm,

**CÔNG TY TNHH
THỨC ĂN CHĂN NUÔI
NASACO HÀ NAM**

Địa chỉ: Đường D2, KCN Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Duy Tiên, Hà Nam
Tel: (0226) 3.567.666 | Fax: (0226) 3.585.555
Email: phongtchc.nasacohn@gmail.com Website: www.nasacohanam.vn
Công suất: 350.000 tấn/năm



CÔNG TY TNHH NUTRECO

Địa chỉ: KCN Đại Đồng Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, Bắc Ninh
Tel: 02223.847.995 / 847.997 | Fax: 02223.847.990 / 847.994
Web: www.nutreco.com.vn | Email: nutrecovn@gmail.com
Công suất: 200.000 tấn/năm





Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Nutreco

Địa chỉ: KCN Đại Đồng Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Công suất: 80.000 tấn/năm



Nhà máy chế biến thức ăn Nutreco Hà Tĩnh

Địa chỉ: KCN Gia Lách, Nghi Xuân, Hà Tĩnh
Công suất: 200.000 tấn/năm

NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI DABACO BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Suối Đồi, Tân Hưng, Đồng Phú, BP
Tel: (0271) 3835 836 | Fax: (0271) 3835 835
Công suất: 80.000 tấn/năm



Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản Kinh Bắc

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh
Tel: (0222) 3825 111 – 3829 949 Fax: (0222) 3825 112 - 3825 116
Công suất: 60.000 tấn/năm

NHÀ MÁY TẠCH DABACO VÀ NHÀ MÁY KINH BẮC
CHƠ ĐỒNG PHÒNG CHÁY TỨC, SẴN SÀNG CHỮA CHÁY KỊP THỜI, CỎ HIỆU QUẢ

NHÀ MÁY
THỨC ĂN CHĂN NUÔI CAO CẤP DABACO
THỨC ĂN CHĂN NUÔI THỦY SẢN KINH BẮC

Nhà máy chế biến TẶCN DABACO HOÀN SƠN

Địa chỉ: Khu CN Đại Đồng - Hoàn Sơn,
xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, Bắc Ninh
Tel: (0222) 3848 202
Công suất: 50.000 tấn/năm



**PHÒNG
THÍ NGHIỆM
ĐẠT TIÊU CHUẨN
VILAS 645**

Để kiểm soát tốt nguyên liệu đầu vào và chất lượng sản phẩm đầu ra, Tập đoàn DABACO đã đầu tư xây dựng Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS 645, với đầy đủ các trang bị hiện đại trên thế giới





CÔNG TY TNHH MTV GÀ GIỐNG DABACO

Địa chỉ: Km6, Quốc lộ 38, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Tel: (0222) 3723 713 | Fax: (0222) 3723 764 | Email: gagiongdabaco@gmail.com

fanpage: facebook.com/dabacochicken/ | Website: gagiongdabaco.com.vn



Trung tâm nghiên cứu gà 9 cửa

Địa chỉ: Thôn Hương Vân, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Tel: (0222) 3724 487 | Fax: (0222) 3724 488

Email: gagiongdabaco@gmail.com



KHU CHĂN NUÔI GÀ GIỐNG BỐ MẸ

Địa chỉ: Nội Viên, Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh

Quy mô: 250.000 con gà giống bố mẹ



TRUNG TÂM GÀ GIỐNG GỐC DABACO YÊN THẾ

Địa chỉ: Bán Rừng Dài, Tam Tiến, Yên Thế, Bắc Giang

Quy mô: 60.000 con gà giống gốc cụ kị, ông bà



Nhà máy sản xuất con giống gia cầm **DABACO**

Địa chỉ: Hiền Văn, Lạc Vệ, Tiên Du, BN



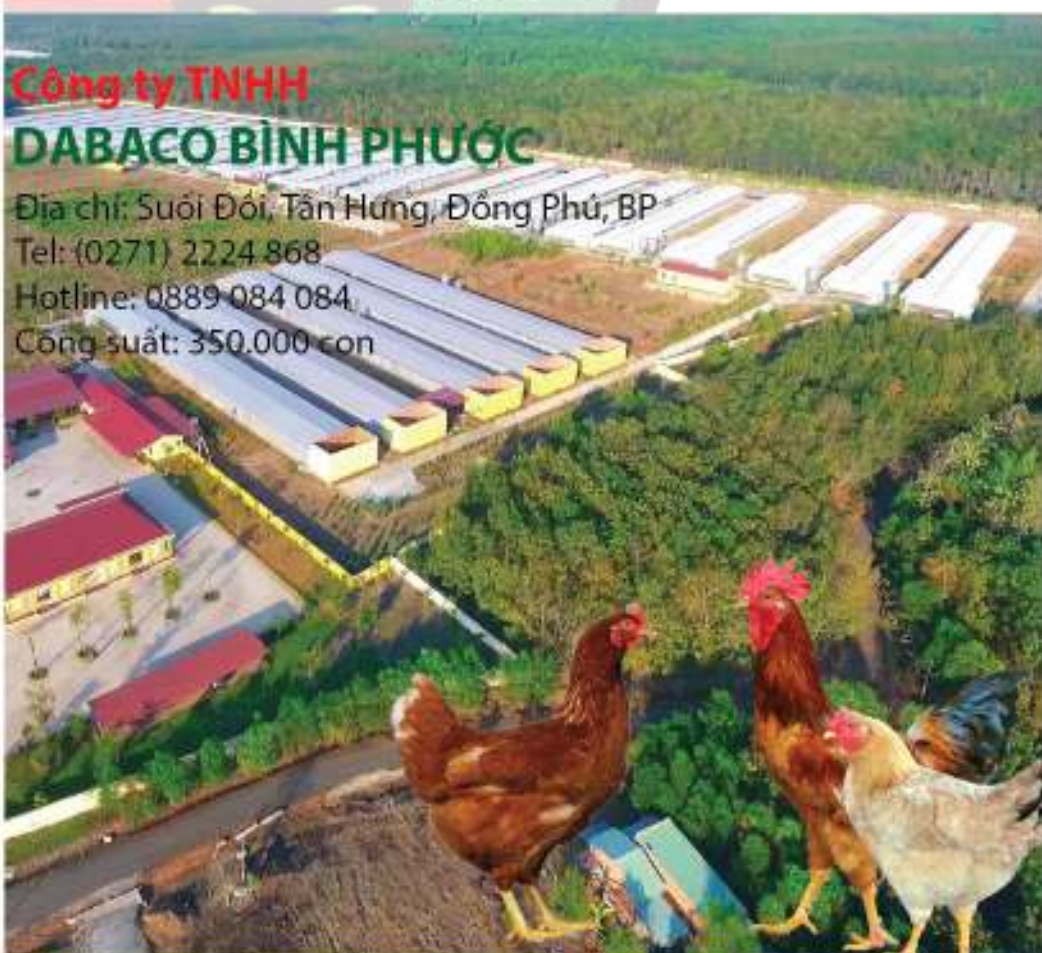
Công ty TNHH **DABACO BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ: Suối Đồi, Tân Hưng, Đồng Phú, BP

Tel: (0271) 2224 868

Hotline: 0889 084 084

Công suất: 350.000 con



CÔNG TY TNHH

LỢN GIỐNG HẠT NHÂN DABACO

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Tel: (0222) 372 1649 | Fax: (0222) 372 1648

Quy mô: 4.500 con lợn giống cụ kỵ, ông bà



CÔNG TY TNHH

LỢN GIỐNG DABACO LƯƠNG TÀI

Địa chỉ: Thanh Khê, Lai Hạ, Lương Tài, Bắc Ninh

Điện thoại: 0222 3895 111

Quy mô: 1.500 con (gồm 1.200 con lợn ông bà và 300 con lợn giống bản địa)



Công ty TNHH
LỢN GIỐNG DABACO HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Trại Viên, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP
Điện thoại: 0982 993 707
Quy mô: 2.200 con lợn nái bố mẹ



Công ty TNHH
Lợn giống DABACO Phú Thọ

Địa chỉ: Xã Tế Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: 0210 8821821
Quy mô: 4.800 con lợn nái bố mẹ



Công ty TNHH
DABACO TUYÊN QUANG

Địa chỉ: Đình Trung, Phúc Ứng, Sơn Dương, Tuyên Quang

Điện thoại: 0207 6561666

Quy mô: 1.500 heo nái và 43.000 con lợn thịt



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH DABACO TUYÊN QUANG

Đ.ĐÌNH TRUNG - X. PHÚC ỨNG - H. SƠN DƯƠNG - T. TUYÊN QUANG - VIỆT NAM Đ.T: 0513 30914



Công ty TNHH Lợn giống
DABACO Hà Nam

Địa chỉ: Thượng Vỹ, Nhân Chính, Lý Nhân, HN

Điện thoại: 02266505666

Quy mô: 3.200 con lợn nái bố mẹ



TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH LỢN GIỐNG DABACO HÀ NAM

Công ty TNHH MTV
LỢN GIỐNG LẠC VỆ

Địa chỉ: Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Tel: (0222) 3723 938 | Fax: (0222) 3723 522
Quy mô: 2.200 con lợn nái bố mẹ



Công ty TNHH
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CHĂN NUÔI LỢN DABACO

Địa chỉ: Cụm CN Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh
Tel: (0222) 3724 323 | Fax: (0222) 3724 321
Quy mô: 20.000 con lợn lái, 200.000 con lợn thịt thường xuyên



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM
TRẠI SẢN XUẤT - THỰC NGHIỆM
CÁ LỒNG KINH BẮC
ĐC: XÃ HÁN QUẢNG - HUYỆN QUẾ VÕ - TỈNH BẮC NINH



TRUNG TÂM SẢN XUẤT
THỰC NGHIỆM CÁ LỒNG KINH BẮC

Địa chỉ: Xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh



Công ty TNHH
phân bón hữu cơ Việt Nhật

Địa chỉ: Khu Sơn, Phường Hạp Lĩnh, TP Bắc Ninh,
Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0222 3 826 077



CÔNG TY TNHH PHÂN BÓN HỮU CƠ VIỆT NHẬT
VIET NHAT ORGANIC FERTILIZER COMPANY LIMITED





Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công

Địa chỉ: Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh
Tel: (0222) 3 723 523 Fax: (0222) 3 723 524
website: trunggadabaco.vn



Nhà máy chế biến trứng DABACO

Địa chỉ: Đường N2 - KCN Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Hotline: 0981 114 449 | <https://www.facebook.com/trunggadevi>
Website: www.trunggadevi.vn ; www.trunggadabaco.vn ; www.devinow.vn





Trung tâm công nghệ sinh học DABACO

Địa chỉ : Tân Chi, huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh



Trung tâm khảo nghiệm giống gia súc gia cầm và Thức ăn chăn nuôi

Địa chỉ: Thôn Hiền Vân, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh






Trung tâm chẩn đoán thú y Dabaco
 Địa chỉ: KCN Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
 Tel: (0222) 3717358 ; Fax: (0222) 3717359



Công ty cổ phần
Chế biến thực phẩm DABACO

Địa chỉ: QL 38 - Lạc Vệ - Tiên Du - Bắc Ninh
 Tel: (0222) 3724343 ; Fax: (0222) 3724296
 Email: dbcfood@dbcfood.com
 Website: <http://www.dbcfood.com/>

CÔNG TY TNHH
DẦU THỰC VẬT DABACO

Địa chỉ: Cụm CN Tân Chi, Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh
Điện thoại: 0222. 222 1888 | Fax: 0222. 222.1998
Email: info@dabacooil.com.vn | Web: www.dabacooil.com.vn



Dầu Đậu Nành
Tự nhiên



Công ty TNHH
Nông nghiệp công nghệ cao DABACO

Địa chỉ: Hồ Vệ, Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh
Tel: (0222) 3724138 | Fax: (0222) 3724126
Website: www.rauantoandabaco.vn/



Công ty TNHH
Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh

Địa chỉ: Cụm CN Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh
Tel: (0222) 3717 388 ; Fax: (0222) 3717 377
Website: www.dabacomart.vn



Siêu thị DABACO LÝ THÁI TỐ

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh
Tel: (0222) 3737 989 | Fax: (0222) 3737 969

- Diện tích: 10.640m².
- Hơn 20 nghìn mặt hàng chất lượng cao có giá cả cạnh tranh.



TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
DABACO TỪ SƠN

Địa chỉ: Khu đô thị Đền Đô, Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh
Tel: (0222) 385 9888 www.facebook.com/dabacotuson



TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
DABACO QUẾ VÕ

Địa chỉ: Khu ĐT Quế Võ, Phượng Mao
huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Tel: (0222) 3623 999
www.facebook.com/dabacoquevo

CÔNG TY TNHH DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN **LE INDOCHINA**



Địa chỉ: Số 45, Nguyễn Đăng Đạo, Suối Hoa thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Tel: (0222) 3629 999 ; Fax: (0222) 3629 990
Email: info@leindochinahotel.com
Website: www.leindochinahotel.com

Khách sạn Le Indochina Hotel & Spa là khách sạn đầu tiên của tỉnh Bắc Ninh được cấp chứng nhận đạt chuẩn Quốc tế 5 sao. Khách sạn có 15 tầng với hệ thống phòng nghỉ sang trọng được thiết kế đa dạng từ chất lượng tiêu chuẩn đến cao cấp tạo nên không gian thư giãn tinh tế, độc đáo và những tiện ích đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.



Siêu thị DABACO LẠC VỆ

Địa chỉ: Lạc Vệ, Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh
Tel: (0222) 3720 999 | Fax: (0222) 3720 979



TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DABACO NGUYỄN CAO

Địa chỉ: Nguyễn Cao, Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Tel: (0222) 3692 666 - Fax: (0222) 3813 246

Phân phối các sản phẩm hàng tiêu dùng như mỹ phẩm, đồ dùng gia đình và thời trang.



SIÊU THỊ DABACO GIA BÌNH

Địa chỉ: Đông Bình, Gia Bình, BN
Tel: (0222) 3506 383
Diện tích: 3.000m².

HỆ THỐNG CỬA HÀNG CÀ PHÊ PHONG THỦY

NHÀ HÀNG ĐÔNG DƯƠNG

Địa chỉ: Số 45, Nguyễn Đăng Đạo, Suối Hoa,
TP Bắc Ninh, Bắc Ninh
Tel: (0222) 3629 999 ; Fax: (0222) 3629 990
Email: info@leindochinahotel.com
Website: www.leindochinahotel.com



NHÀ HÀNG TỪ SƠN

Địa chỉ: Khu đô thị Đền Đô, P. Đình Bảng,
thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh
Điện thoại: 0222 3 832 888

NHÀ HÀNG HƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: (0222) 3 737 676
Fax: (0222) 3 737 800



NHÀ HÀNG DABACO

Địa chỉ: Khu CN Khắc Niệm,
Khắc Niệm, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh
Tel: (0222) 3 828 877

**CÔNG TY CPTĐ
DABACO VIỆT NAM**

**CHI NHÁNH
TP HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Số 22 ấp 4, Đường số 18,
Bình Hưng, huyện Bình Chánh,
TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 5 4 318 385
Fax: (028) 5 4 317 382



**CỬA HÀNG
XĂNG DẦU DABACO**

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ - huyện Tiên Du
tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: (0222) 3723 671

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSECO

Địa chỉ: Cụm CN Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0222 3895 111





CÔNG TY TNHH MTV
THƯƠNG MẠI HIỆP QUANG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Khắc Niệm - TP. Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh

Tel : (+84)222 3717 137 / 382 386 20 | Fax: (+84)222 3717 137

E-mail: hiepquangplastic12@gmail.com | export@hiepquangplastic.com

Website: www.aplusbags.com.vn | www.hiepquangplastic.com



CẢNG DABACO TÂN CHI

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Tel: (0222) 3724398 ; Fax: (0222) 3724399

CÔNG TY TNHH

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DABACO

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Cao, Phường Ninh Xá, TP.Bắc Ninh

Tel: (0222) 3813 713 ; Fax: (0222) 3813 714



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Sản phẩm

Cung cấp những sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định, với giá trị và chất lượng vượt trội. Đa dạng hóa, phát triển các dòng sản phẩm mới, độc đáo và các sản phẩm có giá trị gia tăng và hàm lượng chất xám cao.



Quy mô sản xuất

Tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị hiện đại, tính tự động hóa cao; môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên làm việc chất lượng, hiệu quả, năng suất cao.



DABACO GROUP

Hệ thống quản lý chất lượng

Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 22000, HACCP, GMP, Halal và chương trình thực hành tốt 5S tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Phát triển thành Tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín (mô hình 3F) gồm: "Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao (Food - Thực phẩm) song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO".



5. CÁC RỦI RO

STT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
1	Rủi ro về thị trường	Thị trường nông sản đang hết sức bất bênh, thiếu ổn định do diễn biến phức tạp của dịch bệnh, đặc biệt là dịch tả lợn Châu Phi, dịch cúm gia cầm và dịch Covid19.	Tăng cường chế biến sâu các sản phẩm Công ty như: trứng, thịt gà, thịt lợn,... Bên cạnh đó, tích cực cải thiện chất lượng sản phẩm để đạt hiệu quả cao nhất đến tay người tiêu dùng.
2	Rủi ro dịch bệnh đàn vật nuôi	Điều kiện thời tiết biến đổi bất thường và dịch bệnh thường xuyên được xem là một trong các rủi ro không thể tránh khỏi mà các công ty trong ngành chăn nuôi nói chung và Tập đoàn DABACO Việt Nam nói riêng phải đối mặt.	Công ty luôn chú trọng công tác vệ sinh, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ quy trình chăn nuôi an toàn sinh học và theo các tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, tiêu chuẩn ISO 22000, HACCP, GMP và chương trình thực hành tốt 5S nhằm chủ động kiểm soát và khống chế các dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm; đồng thời bảo đảm sản phẩm lợn, gà cung cấp ra thị trường luôn sạch, khoẻ mạnh và an toàn vệ sinh thực phẩm.
3	Rủi ro về nhân sự	Khoa học kỹ thuật tiên tiến đòi hỏi lao động phải có trình độ kỹ thuật cao, bên cạnh đó, tình hình nhảy việc của lao động trẻ càng cao khiến Công ty mất nhiều thời gian và chi phí đào tạo. Thời gian gần đây, Việt Nam tham gia nhiều FTA khiến thị trường lao động có nhiều cạnh tranh, đặc biệt là lao động tay nghề cao.	Trang thiết bị hiện đại đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao, đặt ra nhu cầu phải đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó phải có cơ chế thu hút và giữ chân người tài, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự do mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.
4	Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc đánh mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ	Kế hoạch chiến lược đã được thiết lập, truyền thông đến các bên liên quan và giao cho phòng Hoạch định Chiến lược và Marketing giám sát thực hiện. Danh mục các Dự án chiến lược cũng được phê duyệt, triển khai và giám sát tình hình thực hiện.
5	Biến động tỷ giá	Biến động ngoại tệ là một trong những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi vì phần lớn nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài và thanh toán bằng Đô la Mỹ.	Lập nhu cầu ngoại tệ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, dự báo theo dõi và phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT DINH KINH DOANH 2019

*SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI

DABACO đầu tư bài bản hệ thống các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp tại Bắc Ninh, Hà Nam, Hà Tĩnh, Bình Phước, Phú Thọ, công nghệ hiện đại và tự động cao, được nhập khẩu từ các nước có nền sản xuất TACN phát triển, với tổng công

suất 1,5 triệu tấn/năm. Các thương hiệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản bao gồm DABACO, Topfeeds, Nutreco, Nasaco, Kinh Bắc, Khangti Vina, Growfeed, Sunshine, S-Star, được cung cấp trải dài khắp cả nước.



Nhìn chung, năm 2019, lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi chịu nhiều tác động từ sự biến động chung của ngành chăn nuôi như: giá nguyên liệu thô đầu vào và thị trường tiêu thụ, đặc biệt là việc chịu ảnh hưởng từ dịch tả lợn Châu Phi khiến người chăn nuôi thua lỗ, e ngại tái đàn dẫn đến sản lượng tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Đến quý IV, khi dịch bệnh đã cơ bản được kiểm soát, giá lợn tăng cao khiến người chăn nuôi bắt đầu tái đàn nên lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi đã có những bước phát triển ngoạn mục, nhiều đơn vị trong Tập đoàn vượt kế hoạch được giao.



FEED

NGUỒN THỨC ĂN CHĂN NUÔI THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

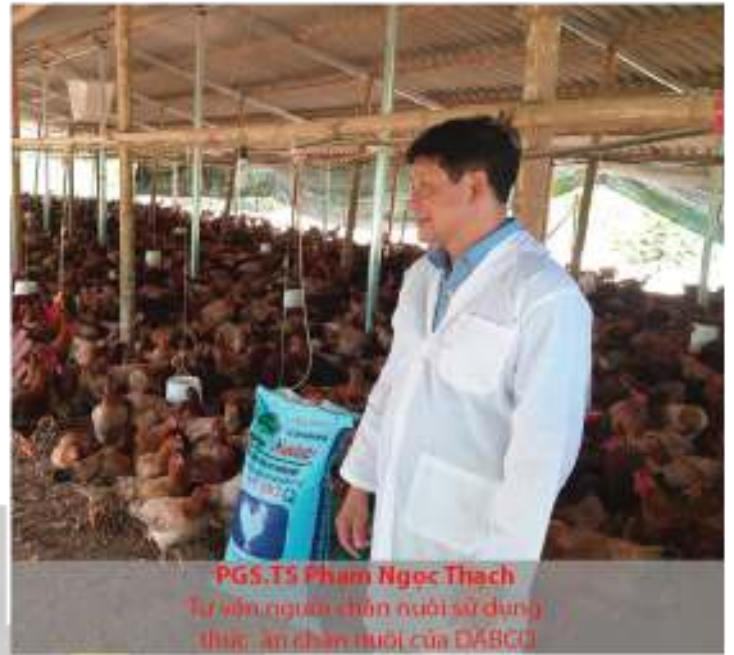
- > Dây chuyền công nghệ và thiết bị sản xuất đồng bộ, tỷ lệ tự động hóa đạt trên 90%.
- > Nguồn nguyên liệu sản xuất được kiểm soát nghiêm ngặt.
- > Quá trình sản xuất được vận hành tự động và được điều khiển từ xa thông qua hệ thống điều khiển trung tâm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm.
- > Áp dụng công nghệ cao trong thiết lập khẩu phần dinh dưỡng
- > Chủng loại sản phẩm thức ăn đa dạng và phong phú đáp ứng các giai đoạn sinh trưởng phát triển của vật nuôi, phù hợp với từng vùng miền, địa phương.
- > Sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 22000 và hàng loạt các giải thưởng chất lượng vàng của Việt Nam và Quốc tế.



Về sản xuất thức ăn chăn nuôi, năng suất bình quân ca của các Nhà máy hầu hết đều tăng so với năm 2018, sản lượng sản xuất của các nhà máy của Tập đoàn thực hiện đều trên 90%, trong đó, một số nhà máy đã vượt kế hoạch được giao như: nhà máy Topfeeds (đạt 102% kế hoạch, tăng 13,8% so với năm 2018); nhà máy Kinh Bắc (đạt 103% kế hoạch, tăng 16,6% so với năm 2018).



Năm 2019, nhằm phát triển lĩnh vực nuôi trồng thủy sản và hỗ trợ hoạt động thực nghiệm, đánh giá chất lượng thức ăn thủy sản, Tập đoàn đã đầu tư trại sản xuất – thực nghiệm cá lồng Kinh Bắc trên Sông Đuống thuộc xã Hán Quảng – Huyện Quế Võ, quy mô là 100 lồng.



PGS.TS Phạm Ngọc Thạch
Tư vấn nguồn chăn nuôi sử dụng
thức ăn chăn nuôi của DABACO

Đối với tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, năm 2019, sản lượng thức ăn tiêu thụ của tập đoàn đạt ~ 90% kế hoạch, trong đó, sản lượng bán ra thị trường đạt ~ 80% kế hoạch. Đặc biệt, tiêu thụ thức ăn thủy sản đạt 103% kế hoạch, tăng 24,8% so với thực hiện năm 2018.

Mặc dù tình hình dịch bệnh đã khiến hàng triệu con lợn bị tiêu huỷ, nhiều người dân phải bỏ chuồng, việc tiêu thụ thức ăn chăn nuôi gặp khó khăn, tuy nhiên, với chính sách bán hàng linh động, luôn đặt lợi ích của đối tác và người chăn nuôi lên hàng đầu, Tập đoàn Dabaco đã mở thêm được 383 đại lý cấp 1, mở rộng địa bàn phân phối sản phẩm rộng khắp 63 tỉnh thành trong cả nước. Nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường, đội ngũ cán bộ nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Công ty đã không ngừng sáng tạo, cải tiến chất lượng, cho ra đời các sản phẩm mới như bộ sản phẩm thức ăn cho Gà trắng siêu thịt giai đoạn vỗ béo, thay thế toàn bộ khoáng tổng hợp Bio-plex gia cầm bằng khoáng vô cơ kết hợp hữu cơ..... đáp ứng tốt nhu cầu và thị hiếu người chăn nuôi.



FARM -CHĂN NUÔI VÀ SẢN XUẤT CON GIỐNG

* LĨNH VỰC SẢN SUẤT VÀ TIÊU THỤ GIỐNG LỢN

Năm 2019, các công ty sản xuất lợn giống của Tập đoàn đều hoạt động ổn định và đem lại hiệu quả cao. Mặc dù thiệt hại do dịch bệnh kéo dài, song Ban lãnh đạo Tập đoàn đã lường trước được sự nguy hiểm của dịch nên chỉ đạo các đơn vị thực hiện



ng nghiêm ngặt quy trình kiểm soát dịch quyết tâm không để dịch tả xuất hiện tại các trại, tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cải tiến khoa học kỹ thuật, thực hiện tốt giải pháp chăn nuôi an toàn sinh học, chính vì vậy, trong năm 2019, các công ty sản xuất giống lợn đều mang về doanh thu lớn, các chỉ tiêu kỹ thuật chính trong chăn nuôi như tỷ lệ đẻ, tỷ lệ sống, tỷ lệ cai sữa... đều đạt tốt, năng suất và chất lượng con giống luôn được cải tiến, được người chăn nuôi tin tưởng, lựa chọn.



* Lĩnh vực chăn nuôi lợn thịt



Nhìn chung, năm 2019, lĩnh vực chăn nuôi lợn thịt gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp. Một số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ đã gần như trắng chuồng. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo Tập đoàn, thực hiện tốt các giải pháp an toàn sinh học, các chỉ tiêu kỹ thuật chính cải thiện rõ rệt cùng với giá lợn tăng cao vào 3 tháng cuối năm khiến tình hình sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch đề ra.

Năm 2019, tổng sản lượng lợn thịt tiêu thụ ra thị trường của Tập đoàn đạt được là: 45.720 tấn



* LĨNH VỰC SẢN SUẤT VÀ TIÊU THỤ GIỐNG GÀ

Đối với gà giống, năm 2019, Tập đoàn tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ các giống gà màu đã được khẳng định vị thế trên thị trường như: Gà J Dabaco, Gà Nòi Dabaco, gà Tân Hồ,... đây đều là những giống gà thích nghi tốt với khí hậu và điều kiện chăn thả tại nhiều vùng miền, có ngoại hình đẹp, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng từng địa phương, có khả năng sinh trưởng nhanh, tiêu tốn thức ăn phù hợp và thời gian nuôi được rút ngắn. Ngoài ra, Công ty đã nuôi và bán ra thị trường giống gà Mía thuận, Nòi thuận và Hồ thuận, đáp ứng nhu cầu thị trường và phát với nhiều đặc tính ưu việt



Xác định giống là tiến đề trong chăn nuôi, Tập đoàn Dabaco Việt Nam đã đầu tư cho Công ty Gà giống những trang thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại đáp ứng công tác nghiên cứu, chọn tạo giống gà theo sơ đồ hình tháp 4 cấp gồm: cụ kỵ - ông bà - bố mẹ - thương phẩm. Cùng với việc đưa vào hoạt động Khu chăn nuôi gà giống bố mẹ tại tỉnh Bình Phước giữa năm 2019, Dabaco hiện là đơn vị cung cấp giống gà lông màu lớn nhất cả nước, chiếm lĩnh trên 35% thị phần giống gà màu.



Năm 2020 được đánh giá là năm khó khăn với ngành chăn nuôi gia cầm khi phải đối mặt với hàng loạt biến đổi khí hậu thất thường, dịch cúm H5N6 đã bùng phát tại một số tỉnh, thành trên cả nước gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi. Ban Lãnh đạo Tập đoàn đã sát sao chỉ đạo từng đơn vị chăn nuôi thực hiện nghiêm túc các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, chủ động kiểm soát dịch bệnh, kiên quyết không để trại nào có đàn gà bị tiêu huỷ do dịch bệnh



* Lĩnh vực chăn nuôi gà đẻ trứng

Bên cạnh các sản phẩm trứng gà tươi thông dụng, công ty tiêu thụ mạnh mẽ bộ 4 sản phẩm trứng giá trị gia tăng gồm Omega 3, DHA, Selen và Trứng gà vỏ xanh. Hiện tại, các sản phẩm trứng của công ty đã được phân phối ở hầu hết các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Mục tiêu của công ty phấn đấu đạt được 40% là các sản phẩm trứng giá trị gia tăng. Đặc biệt, công ty còn hợp tác với Viện dinh dưỡng Quốc gia tiến hành nghiên cứu, ứng dụng để tài khoa học nhằm tạo ra các sản phẩm trứng có giá trị dinh dưỡng cao, có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng.



**TRỨNG GÀ
ĂN LIỀN**

Devi

DABACO GROUP

Năm 2019, Công ty tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trứng gà ăn liền trên phạm vi cả nước và được người tiêu dùng yêu thích. Sản phẩm được bổ sung một số thảo dược quý, đảm bảo dinh dưỡng, tiện lợi, an toàn, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, được sản xuất trên dây chuyền công

nghệ hiện đại, đồng bộ, kiểm soát chặt chẽ về vệ sinh an toàn thực phẩm từ khâu lựa chọn giống, thức ăn – chăn nuôi gà đẻ trứng – thu trứng bằng hệ thống băng tải tự động – xử lý và khử trùng trứng bằng tia cực tím – đưa vào dây chuyền chế biến, kết hợp với các bí quyết về công thức và gia vị, tạo ra sản phẩm trứng ăn liền độc đáo.



* Lĩnh vực chế biến thực phẩm

Năm 2019, lĩnh vực chế biến thực phẩm cũng gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của ngành chăn nuôi, giá thịt, trứng giảm sâu trong 3 quý đầu năm cũng khiến cho giá các sản phẩm chế biến từ thịt bị giảm và tiêu thụ khó khăn. Mặc dù vậy, Công ty cũng hận thức rõ đây là khâu hết sức quan trọng trong chuỗi 3F và phù hợp với xu thế tiêu dùng hiện đại, nhằm kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng đảm bảo dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Hai nhóm sản phẩm đang được DABACO FOOD đẩy mạnh sản xuất và cung cấp là thực phẩm tươi (Thịt lợn sạch, gà sạch...) và các thực phẩm chế biến từ lợn, gà như xúc xích tươi, xúc xích tiệt trùng, dăm bông, ruốc, giò, đồ hộp và các sản phẩm chế biến khác. Các sản phẩm của DABACO FOOD đã có mặt ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước, đặc biệt ở các thành phố lớn. Các sản phẩm thực phẩm chế biến Dabaco có sức tiêu thụ vượt trội, là thực phẩm giàu dinh dưỡng, tốt cho sức khỏe nên được người tiêu dùng đặc biệt ưa chuộng và đánh giá cao.

Các khách hàng lớn hiện tại của Dabaco Food: Hệ thống siêu thị Vinmart, Lottemart, Sapomart, Fivimart, Co.opmart, Lanchimart, Big C, Unimart, Intimex, Metro, Aeon ...



CÔNG TY CỔ PHẦN
**CHẾ BIẾN
THỰC PHẨM
DABACO**

Nam Viên, xã Lạc Vệ,
huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh



* Lĩnh vực thương mại và dịch vụ



Hệ thống siêu thị, Trung tâm thương mại hoạt động ổn định trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động của các Siêu thị, Trung tâm thương mại đã đóng góp tích cực vào mục tiêu trọng tâm phát triển thương mại, dịch vụ cho Đô thị loại I của Tỉnh; đồng thời góp phần xây dựng thói quen tiêu dùng văn minh, hiện đại, nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Trong đó Trung tâm Thương mại DABACO Từ Sơn được xây dựng trên khu đất có diện tích gần 20.000m² được thiết kế 2 tầng

nổi theo mô hình phức hợp đa chức năng gồm: Hệ thống siêu thị với trên 50.000 mặt hàng, Hệ thống rạp chiếu phim theo chuẩn CGV, Nhà hàng Lotteria, Fitness Center, Khu vui chơi trẻ em, Nhà sách, Nhà hàng Café Phong Thủy... Đây là Trung tâm thương mại quy mô lớn và hiện đại bậc nhất tỉnh Bắc Ninh tính đến thời điểm hiện tại.

Trung tâm Thương mại DABACO Quế Võ được đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích gần 20.000 m², được thiết kế theo mô hình phức hợp đa chức năng bao gồm: Siêu thị, Rạp chiếu phim, các Nhà hàng, Trung tâm thể thao năng (Dabaco Fitness), Khu vui chơi giải trí, các Shop hàng thời trang, thiết bị chăm sóc sức khỏe...



Trung tâm thương mại Dabaco Quế Võ được quy hoạch và đầu tư bài bản, hợp lý giữa các khu mua sắm, ẩm thực, vui chơi giải trí với hệ thống đường giao thông nội bộ, sân vườn, cây xanh, tạo nên không gian xanh – sạch – đẹp, hiện đại và đẳng cấp.



Bên cạnh hoạt động kinh doanh Siêu thị, trung tâm thương mại, Dabaco còn đẩy mạnh hoạt động kinh doanh Nhà hàng, khách sạn. Hiện tại, hai nhà hàng bao gồm: Nhà hàng Hương Dương, nhà hàng Dabaco đều tích cực đổi mới, cải cách, nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút thực khách gần xa đến thưởng thức các món ăn đặc sản địa phương đặc sản dân tộc,...

Nhà hàng Dabaco Từ Sơn được đưa vào khai thác từ tháng 4/2019 với sảnh tiệc lớn - Grand Ballroom với sức chứa từ 600-1000 khách, Nhà hàng Dabaco Từ Sơn tự hào là địa điểm tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo lớn. Với 20 phòng VIP riêng biệt, mỗi phòng đều có khu Bàn Ăn, Bàn Chờ, Salon ngồi uống trà riêng. Các phòng VIP nhà hàng đáp ứng mọi nhu cầu các nhóm khách hàng từ 2 - 100 người.



Ngoài ra, khách sạn Le Indochina Hotel & Spa trực thuộc Tập đoàn DABACO Việt Nam là khách sạn đầu tiên của tỉnh Bắc Ninh được Tổng cục Du lịch - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam cấp chứng nhận đạt chuẩn 5 sao. Khách sạn có 15 tầng với hệ thống Phòng nghỉ hạng sang trọng được thiết kế đa dạng từ chất lượng tiêu chuẩn đến cao cấp. Trang thiết bị nội thất tinh tế, hiện đại cùng với các dịch vụ bao gồm: Nhà hàng Âu và Á,

Nhà hàng Buffet, Nhà hàng Nhật Bản, Hàn Quốc; Phòng hội thảo Quốc tế, Hội Trường, Trung tâm tổ chức tiệc cưới, Century 4 Bar, Phòng Karaoke, Beauty Salon, Spa, Xông hơi đá muối Mamelaya, Bể bơi bốn mùa, Phòng tập Gym... Dịch vụ Phòng 24/24 tạo nên không gian thư giãn tinh tế, độc đáo và những tiện ích đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.



* Lĩnh vực sản xuất dầu thực vật:

Năm 2019, Tập đoàn hoàn thành đầu tư Nhà máy ép dầu thực vật và nhãn hiệu dầu ăn COBA đã chính thức có mặt trên thị trường từ tháng 9/2019, được người tiêu dùng đón nhận và đánh giá tích cực. Đây là Nhà máy đầu tiên tại Việt Nam vừa ép dầu thô, vừa tinh luyện dầu ăn. Mỗi năm Nhà máy sản xuất ra khoảng 220.000 tấn khô đậu nành, cung ứng ra thị trường khoảng 45 triệu lít dầu ăn các loại và 1.000 tấn Lecithin tinh chiết từ đậu nành, khô đậu nành và đậu nành lên men là nguồn nguyên liệu tươi, sạch, an toàn, đảm bảo chất lượng cho Nhà máy thức ăn chăn nuôi, giúp Tập đoàn giảm nhập khẩu từ nước ngoài, từng bước chủ động về nguồn nguyên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm. Toàn bộ dây chuyền công nghệ và thiết bị của Nhà máy ép dầu thực vật đều có xuất xứ Châu Âu, tiên phong ứng dụng công nghệ Nano trong khâu tinh luyện và công nghệ Zero Effluence trong khâu chiết xuất, là các công nghệ mới nhất và độc quyền của hãng Desmet - Bỉ.



* Lĩnh vực sản xuất bao bì và bạt nhựa:

Năm 2019, Nhà máy bao bì Hiệp Quang sản xuất và tiêu thụ 70 triệu sản phẩm các loại gồm bao bì PP, PE và túi dùng cho siêu thị, trong đó 30% sản lượng phục vụ các Nhà máy TACN của Tập đoàn, 50% bán ra thị trường nội địa và 20% xuất khẩu trực tiếp sang các nước như Hàn Quốc, Hoa Kỳ...

Đối với hoạt động sản xuất bạt nhựa, năm 2019 tiêu thụ hơn 6 nghìn tấn chủ yếu xuất khẩu sang thị trường các nước Băng La đét, Nhật Bản... Công ty đang nỗ lực tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ với giá tốt, nhằm nâng cao hiệu quả SXKD trong lĩnh vực này.

2. Tổ chức và nhân sự

* Danh sách ban điều hành

1. Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Khắc Thảo
Năm sinh	1957
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	1,12%
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
05/2015 - đến nay	Phó CT.HĐQT kiêm TGD Tập đoàn Dabaco Việt Nam
05/2018- 05/2015	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP tập đoàn Dabaco Việt Nam
01/2005 – 05/2008	Giám đốc Vật tư - XNK công ty CP Nông sản Bắc Ninh
11/1985 – 12/1996	Công tác tại công ty nông sản Bắc Ninh
10/1982 – 10/1985	Học Đại học Thương mại Hà Nội
10/1979 – 09/1982	Cán bộ nghiệp vụ thống kê công ty bán lẻ CNP Sơn Động, Lục Ngạn, Bắc Giang
2. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thế Tường
Năm sinh	1970
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	1,06%
Trình độ chuyên môn	Bác sỹ thú y, Thạc sỹ Nông nghiệp
Quá trình công tác	
05/2015 – đến nay	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
05/2008 – 05/2015	TV HĐQT, GD KT-CL Tập đoàn DABACO Việt Nam
01/2005 – 05/2008	Thành viên HĐQT, Giám đốc kỹ thuật chất lượng Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
07/1999 – 12/2004	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Bắc Ninh
05/1996 – 06/1999	Phó phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Hà Bắc

3. Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Năm sinh	1964
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	1,7%
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
05/2015 - đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam
03/2011 - 05/2015	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam
05/2008 - 03/2011	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần DABACO Việt Nam
01/2005 - 05/2008	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh
05/1996 - 12/2004	Phó phòng Tài vụ, Trưởng phòng Tài vụ, Kế toán trưởng Công ty Nông sản Bắc Ninh
06/1986 - 04/1996	Công tác tại Trường cán bộ thống kê trung ương

4. Phó Tổng Giám đốc	Ông Phạm Văn Học
Năm sinh	1978
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0,01%
Trình độ chuyên môn	Bác sỹ thú y, thạc sỹ chăn nuôi
Quá trình công tác	
Chức vụ hiện nay	Phó TGD Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
03/2011 - 05/2014	Giám đốc Công ty TNHH Lợn giống Dabaco - Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
07/2010 - 02/2011	PGĐ Cty Lợn giống Dabaco - CT CP Dabaco Việt Nam
09/2009 - 06/2010	Phòng kế hoạch Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
Năm 2003 - 05/2009	Trung tâm khuyến nông Bắc Ninh
Năm 2001 - 2003	Công tác tại Công ty CP Việt Nam - Thái Lan

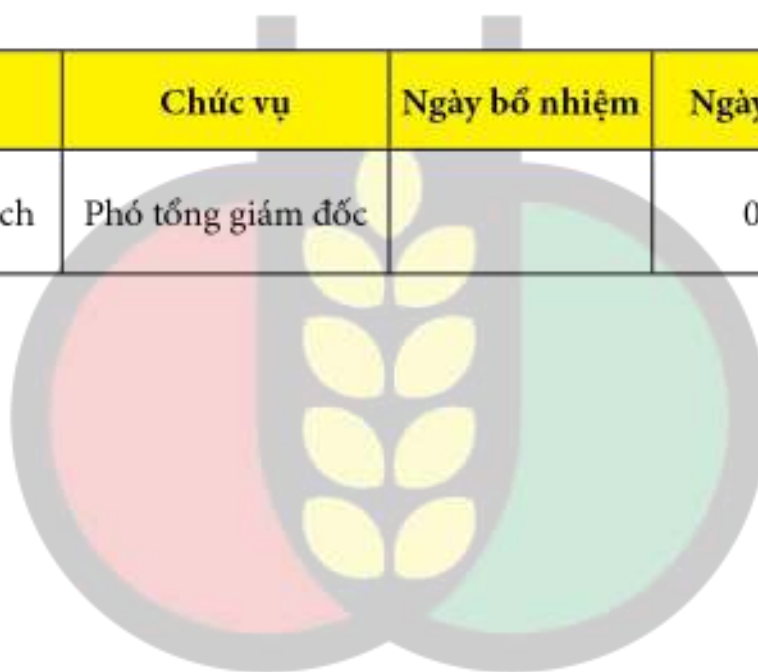
5. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thế Chinh
Năm sinh	1962
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0%
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
11/2016 – nay	Phó TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
07/2009 – 4/2016	TP quản lý Hạ tầng – Sở Xây dựng Bắc Ninh
08/2006 – 6/2009	TP quản lý chất lượng – Sở Xây dựng Bắc Ninh
07/2003 – 7/2006	Phó phòng Kỹ thuật Giám định – Sở Xây dựng Bắc Ninh
01/2002 – 06/2003	Chuyên viên Sở Xây dựng Bắc Ninh
01/2000 – 12/2001	Phó phòng Kế hoạch nguồn vốn – Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bắc Ninh
01/1997 – 12/1999	Phó phòng Kế hoạch thẩm định – Chi cục Đầu tư phát triển Bắc Ninh
06/1995 – 12/1996	Chuyên viên Cục Đầu tư phát triển Hà Bắc
04/1986 – 05/1995	Chuyên viên Sở Lao động – Thương binh và xã hội Hà Bắc
12/1985 – 03/1986	Cán bộ Sở Nông nghiệp Hà Bắc

6. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Tuế
Năm sinh	1956
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0,01%
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ nông nghiệp – Chuyên ngành chăn nuôi động vật
Quá trình công tác	
10/2017 - đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Dabaco Việt Nam kiêm Giám đốc công ty TNHH Nutreco
2010 – 10/2017	Giám đốc công ty TNHH Nutreco
2009 – 2010	Giám đốc nhà máy TACN cao cấp NUTRECO

Năm 2008 – 2009	Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản tỉnh Bắc Ninh
Năm 1997 – 2008	Giám đốc Trung tâm khuyến nông tỉnh Hà Bắc
Năm 1993 – 1996	Phó giám đốc Trung tâm khuyến nông tỉnh Hà Bắc
Năm 1981 – 1993	Công tác tại Sở Nông nghiệp Hà Bắc

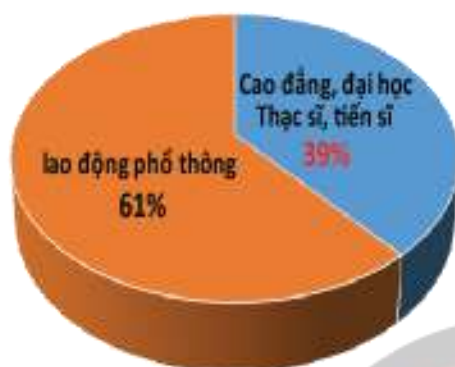
*** Thay đổi nhân sự**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Nguyễn Trọng Kích	Phó tổng giám đốc		01/06/2019

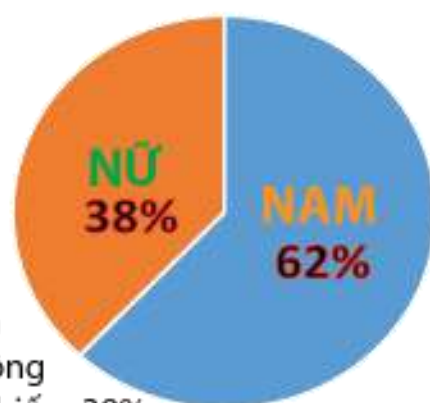


Cơ cấu nhân sự

Qua hơn hai thập kỷ năm xây dựng và trưởng thành, đến nay Tập đoàn Dabaco đã có một nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ chuyên môn giỏi, đáp ứng được đòi hỏi của yêu cầu ngày càng cao của một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh đa ngành nghề.



Cơ cấu lao động của Dabaco có tỷ lệ lao động nam chiếm 62%, nữ chiếm 38%.



Lao động có trình độ Cao đẳng, Đại học trở lên chiếm 38,6% còn lại là lao động phổ thông đào tạo tại chỗ; đáp ứng yêu cầu quản trị, quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh. Đội ngũ lao động trẻ, có trình độ chuyên môn cao, ngày càng phù hợp với yêu cầu của thực tế kinh doanh là một trong những nhân tố quan trọng để Dabaco phát triển vững chắc và toàn diện.

2. Những chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Đối với Dabaco, nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng hàng đầu, quyết định sự phát triển của doanh nghiệp. Phát triển nguồn nhân lực là khâu đột phá trong chiến lược phát triển doanh nghiệp.

Dabaco hiện đang thực hiện các giải pháp như: Hoàn thiện các quy chế, chính sách hiện đang áp dụng tại doanh nghiệp, đảm bảo công bằng và hợp lý trong chi trả



lương cho người lao động, tạo tính cạnh tranh trong việc thu hút nguồn lực bên ngoài và giữ chân nguồn lực bên trong; Cải thiện môi trường làm việc; Tiến hành đánh giá năng lực của từng nhân viên theo định kỳ ngoài trình độ chuyên môn còn phải trao đổi thêm về trình độ ngoại ngữ, nhằm xem xét khả năng của từng người để lên kế hoạch đào tạo hoặc tái đào tạo với mục đích nâng cao hơn nữa hiệu quả công việc của nhân viên.

Chính sách tuyển dụng nhân sự

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu và rộng, tham gia thoả thuận và ký kết nhiều FTA, các doanh nghiệp trong nước không những phải đối mặt với sự cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ - sản phẩm mà còn đứng trước nguy cơ cạnh tranh nhằm tìm kiếm và giữ chân nhân tài với các doanh nghiệp trong cộng đồng kinh tế. Để thu hút đội ngũ nhân sự, các hoạt động tuyển dụng của DABACO được triển khai rõ ràng, minh bạch với quy trình đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo sự công bằng, tạo cơ hội cho tất cả mọi người. Có các gói chính sách đãi ngộ phúc lợi, tiền lương hấp dẫn nhằm thu hút các nguồn lực từ bên ngoài về làm việc; Phối hợp tuyển dụng ở các trường đại học, trung tâm đào tạo để tìm kiếm các ứng viên có năng lực. Có các chương trình hỗ trợ và tìm kiếm các ứng viên là những sinh viên có năng lực và tâm huyết ngay từ khi còn trên ghế nhà trường; Sàng lọc kỹ nguồn lao động đầu vào để đảm bảo tuyển dụng được những nhân viên thật sự có khả năng, tâm huyết với công việc, nhiệt tình và sáng tạo, có hướng gắn bó lâu dài.

Đào tạo nhân sự

Với hoạt động sản xuất kinh doanh đa lĩnh vực, đa ngành nghề, DABACO luôn phải đối mặt với những thách thức lớn đến từ đối thủ cạnh tranh, sự biến động kinh tế vĩ mô và những thay đổi của thị trường tài chính trong nước và thế giới. Để nắm bắt và thích ứng nhanh với những thay đổi đó, các thể hệ cán bộ, nhân viên DABACO phải không ngừng học tập để góp phần phát triển và đạt được nhiều thành quả to lớn trong suốt hơn 23 năm xây dựng và trưởng thành.

Với định hướng phát triển bền vững theo hình thức tập đoàn kinh tế đa ngành nghề, Dabaco luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng và thị trường. Sau 23 năm xây dựng và trưởng thành, với vị thế, uy tín, thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường trong nước cũng như khu vực, chiến lược kinh doanh cho những năm tiếp theo được tập đoàn xác định với trọng tâm là ưu tiên hàng đầu cho công tác bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong thời đại kinh tế tri thức, yếu tố về con người được xem là nhân tố tiên quyết đối với sự phát triển, vì vậy, chính sách nhân sự nói chung luôn được Dabaco quan tâm và xây dựng theo hướng ngày càng chuyên nghiệp.

Trong năm 2019, DABACO tập trung xây dựng, hoàn thiện chính sách, quy chế, quy trình quản lý đào tạo xuyên suốt từ Công ty mẹ Tập đoàn đến các Công ty con để đảm bảo cơ chế, hệ thống quản lý thống nhất nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực một cách đồng bộ và bền vững. DABACO đã triển khai các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên Tập đoàn. Các khóa học này nhằm mục đích nâng cao sự hiểu biết, trao đổi, nắm bắt thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, giao lưu, tăng cường tình đoàn kết giữa đội ngũ cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống DABACO.



Chính sách đối với người lao động

Với phương châm người lao động phải thật sự làm chủ doanh nghiệp, lãnh đạo công ty đã triển khai kịp thời đầy đủ các chủ trương, chỉ thị, nghị



quyết của Đảng và pháp luật của nhà nước đến người lao động bằng việc xây dựng, ban hành các nội quy, quy chế, quy định trong doanh nghiệp để người lao động tham gia đóng góp. Người lao động được cử đại diện của mình tham gia hội đồng doanh nghiệp thực hiện các chính sách tiền lương, tiền thưởng phúc lợi, chế độ nâng lương nâng bậc, thi đua khen thưởng, kỉ luật,...

Tập đoàn luôn đặt ra yêu cầu phải xây dựng một môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, khuyến khích sự sáng tạo nhằm mang lại sự sung túc cho người lao động và gia đình.

Mặc dù năm 2019 là năm Tập đoàn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, song Tập đoàn vẫn nỗ lực duy trì mức thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cho người lao động, tạo động lực cho CBCNV yên tâm công tác, cống hiến và gắn bó lâu dài với Tập đoàn. Ngoài ra, Tập đoàn còn chú trọng xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý, khuyến khích và đãi ngộ tốt đối với người lao động có trình độ, tâm huyết. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động. Tạo môi trường tốt nhất để cán bộ nhân viên trong Công ty phát huy hết khả năng, tận tâm phục vụ vì mục tiêu phát triển chung của tập thể.

Chính sách phúc lợi cho Cán bộ công nhân viên

Bên cạnh việc chăm lo nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ, công nhân viên: trợ cấp khó khăn như hỗ trợ xây nhà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn; tập đoàn còn rất quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động, Tập đoàn đã cùng với tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động nhằm động viên cán bộ, người lao động yên tâm công tác, tích cực thi đua lao động sản xuất như: Thường xuyên tổ chức thăm hỏi động viên người lao động khi ốm đau, hiếu hỷ, tổ chức sinh nhật cho người lao động. Hàng năm, Tập đoàn tổ chức tặng quà cho CBCNV nữ nhân dịp 8/3; Tặng quà cho các cháu là con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết trung thu, các cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi, đỗ đại học...

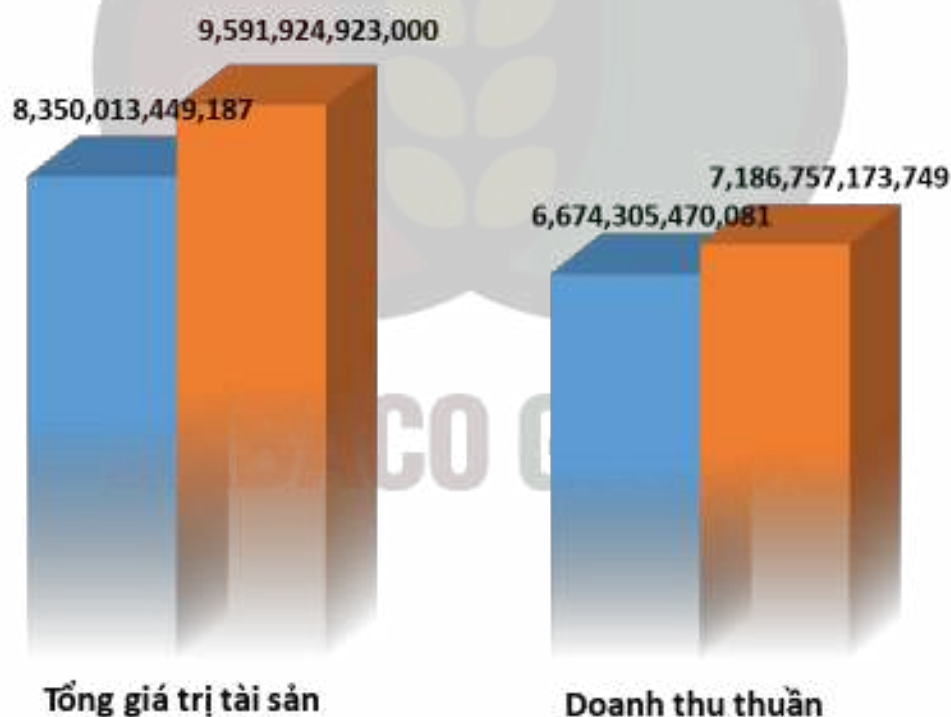


3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (theo báo cáo hợp nhất)

* Tình hình tài chính

đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu chính	2018	2019
Tổng giá trị tài sản	8,350,013,449,187	9,591,924,923,000
Doanh thu thuần	6,674,305,470,081	7,186,757,173,749
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	387,156,820,297	338,937,269,596
lợi nhuận khác	6,201,894,016	6,114,176,961
Lợi nhuận trước thuế	393,358,714,313	345,051,446,557
Lợi nhuận sau thuế	360,235,354,153	305,130,242,224
Tỷ lệ cổ tức	15%	15%



**BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG TÀI SẢN VÀ DOANH THU
2018 - 2019**

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.93	0.91
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.26	0.26
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.67	0.69
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2.04	2.17
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	3.3	2.96
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.8	0.75
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5.4	4.25
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13	10.0
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4.3	3.2
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5.8	4.7

c) Tình hình nguồn vốn

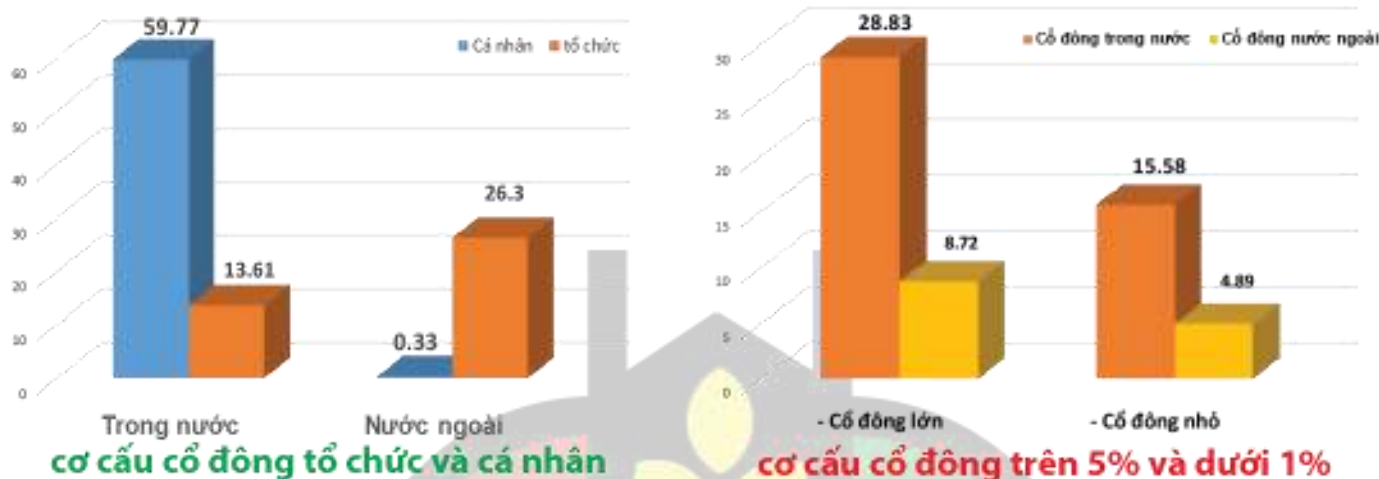
Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Chênh lệch	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
Nợ phải trả	6,565,967,444,140	68.5	5,603,485,031,551	67.1	962,482,412,589	17.2
Nợ ngắn hạn	4,819,677,610,567	50.2	4,075,302,630,398	48.8	744,374,980,169	13.3
Nợ dài hạn	1,746,289,833,573	18.2	1,528,182,401,153	18.3	218,107,432,420	3.9
Vốn chủ sở hữu	3,028,957,478,860	31.6	2,746,528,417,636	32.9	282,429,061,224	5.0
Vốn chủ sở hữu	3,028,957,478,860	31.6	2,746,528,417,636	32.9	282,429,061,224	5.0
Tổng nguồn vốn	9,591,924,923,000	100.0	8,350,013,449,187	100.0	1,241,911,473,813	22.2

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

* Cổ phần:

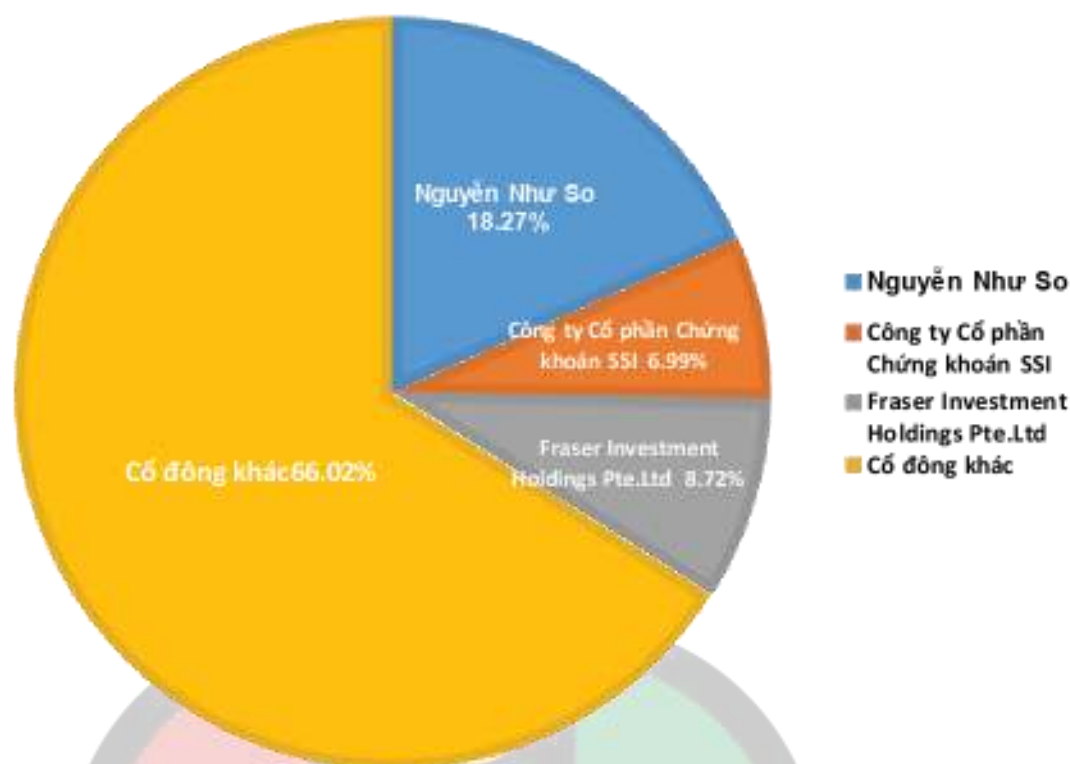
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 91.099.828 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

* Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 22/7/2019:



STT	Loại cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	66.841.842	73,37
	Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% cổ phần)	26.267.812	28,83
	Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 1% cổ phần)	14.189.092	15,58
	Cổ đông tổ chức	12.395.602	13,61
	Cổ đông cá nhân	54.446.240	59,77
	II	Cổ đông nước ngoài	24.257.986
Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% cổ phần)		7.943.601	8,72
Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 1% cổ phần)		4.457.874	4,89
Cổ đông tổ chức		23.958.774	26,3
cổ đông cá nhân		299.212	0,33
		Tổng cộng	91.099.828

*** Danh sách cổ đông lớn cập nhật ngày 06/01/2020:**



STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	tỷ lệ (%)
01	Nguyễn Như So	Số 87 Lê Văn Thịnh, P.Suối Hoa, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	16.645.809	18,27
02	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	6.367.912	6,99
03	Fraser Investment Holdings Pte. Ltd	1 Raffles Place, #29-02 One Raffles Place, Singapore (048616)	7.943.601	8,72
Tổng cộng:			30.957.322	33,98

*** Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Năm 2019, Công ty thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông. Tổng số cổ phiếu trước khi phát hành là: 82.818.465 cổ phiếu. Số cổ phiếu phát hành là: 8.281.363 cổ phiếu (tương đương 10% vốn điều lệ). Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành là: 91.099.828 cổ phiếu (tương đương 910.998.280.000 đồng).

*** Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có**

*** Các chứng khoán khác: Không có**

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

* Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đánh giá chung, riêng quý IV năm 2019, sau khi kiểm soát được dịch bệnh, ngành chăn nuôi đã có dấu hiệu khởi sắc. Nhận biết được tình hình thị trường, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã luôn bám sát diễn biến thị trường các sản phẩm chăn nuôi, tìm mọi giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí để hạ giá thành sản phẩm. Do vậy, hầu hết các chỉ tiêu kỹ thuật về năng suất, chất lượng sản phẩm đều đạt tốt. Ngoài ra, Ban lãnh đạo cũng chỉ đạo sát sao trong công tác phòng dịch, để đảm bảo 100% các trại không bị nhiễm dịch.

Năm 2019, công ty đã hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, ghi nhận những nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV toàn Tập đoàn trong bối cảnh tình hình ngành gặp khó khăn như giai đoạn vừa qua.

* Những tiến bộ công ty đã đạt được năm 2019:

- Hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống phòng họp trực tuyến tại tất cả các đơn vị trong tập đoàn.
- Hoàn thiện phòng camera đặt tại văn phòng Tập đoàn giúp Ban lãnh đạo kiểm soát, kịp thời nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao các đơn vị chăn nuôi.
- Xây dựng một số quy chế, quy trình về sở hữu trí tuệ, tổ chức tập huấn cho cán bộ công nhân viên tại Tập đoàn về lĩnh vực sở hữu trí tuệ.



- Xây dựng thành công Bộ nhận diện thương hiệu của Tập đoàn, xây dựng trang Web, phần mềm quản lý tài sản trí tuệ
- Tiếp tục mở rộng thị trường cho sản phẩm trứng gà ăn liền Devi với đa dạng các vị như: không cay, cay, thảo dược,... tiếp cận với mọi đối tượng. Hiện nay, trứng gà ăn liền Devi đã có mặt tại hầu hết các siêu thị, cửa hàng bán lẻ trên toàn quốc và đang được người tiêu dùng nhiệt tình đón nhận.
- Đưa sản phẩm dầu ăn cao cấp thương hiệu Cobra ra thị trường, được người tiêu dùng biết đến rộng rãi.



- Hoàn thiện và đưa vào hoạt động ổn định phòng phân tích hiện đại cho nhà máy NASACO Hà Nam, xây dựng xong đường chuẩn phân tích nhanh bằng máy NIR cho tất cả các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm với độ chính xác cao.

- Thay thế toàn bộ khoáng tổng hợp Bioplex gia cầm nhập của Alltech và Novus bằng khoáng vô cơ kết hợp hữu cơ.

- Tiến hành nhiều khảo nghiệm lựa chọn những phụ gia có hiệu quả; khảo nghiệm các mức dinh dưỡng khác nhau, các quy trình nuôi khác nhau để tìm ra nhu cầu dinh dưỡng tối ưu cho từng loại vật nuôi, từng giai đoạn nuôi. Từ đó đưa ra các quy trình chăn nuôi mới áp dụng cho thị trường và cho chăn nuôi gia công nhằm phát huy tối đa lợi thế của từng sản phẩm và tăng hiệu quả chăn nuôi.

- Cải tiến kích cỡ viên từ 3,5 ly xuống 2,5 ly đối với sản phẩm thức ăn cho lợn ngoại và lợn siêu, ra bộ sản phẩm mới Gà trắng siêu thịt giai đoạn vỗ béo... đáp ứng tốt nhu cầu và thị hiếu người chăn nuôi.

- Các giống gà bố mẹ và gà thương phẩm có giá trị cao do công ty nghiên cứu, lai tạo thành công được người tiêu dùng ưa thích như: Gà J-DABACO, Gà 9 cựa, gà Mía thuần, Nòi thuần và Hồ thuần, Bộ 3 Gà Nòi (Gà Nòi chân vàng, Gà Nòi ô tía và Gà Nòi sọc đen); Gà đẻ trứng xanh; Gà thảo dược...



2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020, trong bối cảnh Việt Nam gia nhập Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định EVFTA sẽ đem lại nhiều cơ hội và cả những thách thức trong quan hệ thương mại của Việt Nam với các nước thành viên. Đặc biệt, trong tình hình dịch bệnh COVID19 đang lan rộng gần 100 nước trên khắp thế giới, trong nước ngành chăn nuôi phải đối mặt với dịch tả lợn Châu Phi còn nhiều nguy cơ tiềm ẩn, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Tập đoàn quyết tâm phấn đấu thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2020:



Giải pháp chủ yếu Tập đoàn đề ra nhằm thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi:

a. Nhóm giải pháp về mặt thị trường:

a1. Về tổ chức thị trường:

Năm 2020, các đơn vị TACN tiếp tục thực hiện mô hình quản lý thị trường theo địa bàn đã được qui hoạch và tiếp tục nghiên cứu các phương pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác thị trường.

a2. Về con người:

- Các đơn vị phải đặc biệt chú trọng đến việc lựa chọn, tuyển dụng nhân sự làm công tác thị trường; tuyển đủ và tuyển nhân sự có chất lượng, làm được việc; tích cực tìm kiếm,



**Đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng nhân sự có chất lượng
Thu hút người có năng lực, kinh nghiệm**

nhằm xây dựng đội ngũ thị trường có năng lực và chuyên nghiệp.

- Cải tiến chất lượng nhân sự, nâng cao năng lực làm việc, các kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm của đội ngũ thị trường.

- Chủ động tính toán, bố trí, sắp xếp nhân sự một cách thực sự khoa học và hợp lý trong phạm vi mỗi vùng và giữa các phòng thị trường của Nhà máy, đảm bảo phát huy tối đa năng lực, sở trường của từng người, đóng góp vào việc phát triển chung của Nhà máy nói riêng và Tập đoàn nói chung.

- Quản lý tốt về thời gian làm việc, kết quả công việc, báo cáo công việc hàng ngày giám sát chặt chẽ trong từng công việc cụ thể của từng nhân viên thị trường. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần tạo động lực phát huy năng lực trong từng cá nhân và tập thể.

- Có chính sách lương thưởng hợp lý, tạo động lực, khuyến khích và động viên cán bộ thị trường chủ động tích cực trong công việc.



a3. Về xây dựng hệ thống phân phối, phát triển thị trường:

- Tập trung chăm sóc hệ thống khách hàng cũ ổn định; hỗ trợ khách hàng cũ có khả năng tăng sản lượng; đồng thời có kế hoạch cải tạo chất lượng đại lý hoặc thay thế bằng đại lý mới tốt hơn nếu họ không phát triển được.

- Xây dựng kế hoạch phát triển khách hàng mới một cách cụ thể và tích cực; tập trung tìm kiếm, khai thác triệt để thị trường; Tích cực mở đại lý tiêu thụ ở tất cả các vùng trống, các vùng chăn nuôi trọng điểm, vùng có số lượng đại lý ít, mật độ thưa, nâng cao số lượng và chất lượng đại lý, phấn đấu phủ kín đại lý của công ty tại tất cả các vùng miền.

- Khảo sát, chăm sóc khách hàng mục tiêu ở những vùng tiềm năng, tạo cơ hội mở rộng hệ thống phân phối.



- Xây dựng cơ cấu sản phẩm hợp lý; Tùy theo từng thời điểm, từng vùng thị trường cụ thể để xây dựng cơ cấu sản phẩm cạnh tranh hợp lý, có khả năng khai thác tốt.

- Giao khoán sản lượng tiêu thụ cụ thể, chi tiết đến từng khách hàng, từng nhân viên thị trường; Xây dựng kế hoạch phát triển chi tiết cho từng khách hàng, từng vùng từ cấp xã, huyện trở lên.

a4. Về chế độ, chính sách thị trường:

- Nghiên cứu, sử dụng các chính sách bán hàng, các chương trình, thời gian thực hiện, đảm bảo mềm dẻo, hấp dẫn, linh hoạt và hiệu quả.

- Nghiên cứu và xây dựng chế độ đối với khách hàng mới, khách hàng bán nhiều mặt hàng và các trường hợp đặc biệt, đảm bảo hiệu quả kinh tế, mở rộng thị trường.





a5. Về đào tạo – huấn luyện:

- Ban kỹ thuật chất lượng chủ trì phối hợp với các Trường đào tạo, các Nhà máy TACN và các công ty sản xuất giống trong Tập đoàn tổ chức đào tạo cho toàn thể cán bộ, nhân viên thị trường mỗi tháng tối thiểu 1 ngày về các nội dung: Kỹ thuật chăn nuôi, dinh dưỡng, sử dụng thức ăn, phòng và chữa bệnh gia súc gia cầm; Kỹ năng bán hàng, kiến thức về quản trị, khai thác, phát triển thị trường, khách hàng...

- Xây dựng qui trình, sổ tay sử dụng thức ăn, kỹ thuật chăn nuôi; Phổ biến, huấn luyện cho toàn bộ cán bộ, nhân viên các phòng thị trường nắm vững qui trình và hướng dẫn khách hàng, người chăn nuôi thực hiện đúng qui trình đã ban hành, nhằm nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi.

- Quan tâm, chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ, công nhân kỹ thuật của đơn vị mình, nếu không tự làm được cho phép thuê chuyên gia giỏi để đào tạo.



b. Nhóm giải pháp về tổ chức sản xuất:

- Thực hiện nghiêm ngặt qui trình sản xuất, giám sát chặt chẽ tất cả các công đoạn từ nhập nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, tiết kiệm triệt để các chi phí, hạn chế việc dừng máy, chạy không tải, sửa chữa, lãng phí điện năng làm tăng giá thành sản phẩm.

- Tăng cường đào tạo kiến thức, kỹ năng cho CBCNV, nâng cao ý thức tự giác tuân thủ qui định, quy trình của từng người, từng vị trí công việc, từng nhóm với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

- Thực hiện nghiêm chỉnh và hiệu quả các qui trình theo Tiêu chuẩn ISO 9001, 22.000 và chương trình thực hành tốt 5S.



c. Nhóm giải pháp về nguyên liệu:

- Bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, diễn biến giá cả nguyên liệu và các yếu tố ảnh hưởng đến giá cả (như giá dầu, tỉ giá ngoại tệ....) để quyết định mua ở mức giá, thời điểm hợp lý nhất, đảm bảo yêu cầu sản xuất và dự trữ nguyên liệu theo quy định của Tập đoàn.
- Lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu có uy tín, đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu sản xuất của các Nhà máy.
- Tìm kiếm và có phương án sử dụng nguyên liệu thay thế, đảm bảo chất lượng và giá thành sản phẩm.



2. Đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm:



DABACO GROUP

- Năm 2020, các đơn vị sản xuất giống cần phải nỗ lực, tích cực nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng suất, quản lý chặt chẽ các chi phí, thực hành tiết kiệm triệt để, hạ giá thành sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD nhằm thực hiện tốt tiêu chí của Tập đoàn trong công tác làm giống “chất lượng con giống phải tốt nhất”, định vị thương hiệu con giống Dabaco nằm ở Top đầu.
- Tích cực nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới trong chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng con giống, phấn đấu đưa các chỉ tiêu kỹ thuật đạt mức ngang bằng với thế giới.

- Thực hiện nghiêm ngặt các quy trình chăn nuôi, vệ sinh thú y, vệ sinh phòng dịch, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho vật nuôi; Thực hiện tốt công tác quản lý, kỹ thuật để đảm bảo đàn giống gia súc, gia cầm sinh trưởng, phát triển tốt, giảm tối đa tỷ lệ chết.
- Tích cực thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường như thường xuyên quét dọn, trồng cây xanh, khơi thông cống rãnh, phun thuốc sát trùng, vận hành hệ thống xử lý chất thải.... đảm bảo các tiêu chuẩn về khí thải, chất thải, nước thải nằm trong giới hạn cho phép. Coi công tác bảo vệ môi trường là một trong những nhiệm vụ “trọng tâm, sống còn” cần phải làm thường xuyên, liên tục cùng với vấn đề năng suất, chất lượng và an toàn dịch bệnh.
- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về vấn đề cháy nổ, áp dụng các biện pháp sưởi ấm cho vật nuôi an toàn và tiết kiệm.
- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện cho đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật.



- Năm 2019, Tập đoàn thành lập tổ công tác gồm những người có trình độ chuyên môn cao đi hướng dẫn, đào tạo trực tiếp về kỹ thuật đối với từng đơn vị, nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, lành nghề của cán bộ kỹ thuật và công nhân chăn nuôi.

- Đối với chăn nuôi gia công lợn phải siết chặt công tác quản lý, xem quản lý là vấn đề được quan tâm hàng đầu trong hoạt động chăn nuôi gia công; phải gắn chỉ tiêu chất lượng với hạ giá thành sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả SXKD; Tổ chức thực hiện nghiêm ngặt các qui trình, tuyệt đối không được tùy tiện cắt giảm thuốc, vắc xin nhằm hạ giá thành, gây ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm; Lựa chọn các chuồng nuôi đảm bảo các điều kiện và tiêu chuẩn hạ tầng, cơ sở vật chất. Thực hiện khoán đến từng khâu, từng chuồng, từng người lao động trong công ty về các định mức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tiền công, tiền lương, chi phí...; các chuồng thuê nuôi phải áp dụng định mức khoán giống như các hộ gia công; áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật theo kết quả nuôi thí nghiệm lợn của Tập đoàn để giao khoán.

- Các đơn vị chăn nuôi phải tăng cường hơn nữa công tác thị trường, xây dựng kênh phân phối và hệ thống tiêu thụ rộng khắp, đảm bảo tiêu thụ hết sản lượng sản xuất với giá tốt nhất tại thời điểm.

3. Đối với các lĩnh vực kinh doanh khác.

- Kiểm soát chặt chẽ về lao động, vật tư, tài sản, tiền vốn, chi phí, sản phẩm lỗi, hư hao... khắc phục triệt để tình trạng sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ tại các lĩnh vực như: nhà hàng, siêu thị, chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn, kinh doanh bất động sản...

- Nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã bao bì phục vụ các nhà máy trong Công ty, thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án phục vụ sản xuất.

4. Công tác tổ chức, quản lý:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, quy chế, quy định của Tập đoàn, thực hiện cuộc cách mạng triệt để về tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng... không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ trách nhiệm người đứng đầu ở các đơn vị đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nếu để thất thoát tài sản, vật tư, tiền vốn hoặc kinh doanh kém hiệu quả thì người đứng đầu đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Tập đoàn và pháp luật.

- Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, quản lý nhân lực nhằm nâng cao năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ, người lao động, đảm bảo duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định, tích cực khai thác nguồn vốn với chi phí thấp nhất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức tuyển chọn, đào tạo và sử dụng lao động hợp lý nhằm phục vụ cho các nhà máy, Công ty TNHH sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Đặc biệt chú trọng chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ nhân sự quản lý, kỹ thuật; giảm tối đa lực lượng lao động hành



chính. Thực hiện tốt các chính sách lương thưởng, đãi ngộ, đảm bảo trả lương xứng đáng với trình độ chuyên môn và từng vị trí công việc, tránh gây mất đoàn kết nội bộ, tránh cào bằng; quan tâm nâng cao đời sống cho người lao động.

- Thực hiện hiệu quả phương án khoán đến từng vị trí công việc, đảm bảo chuyên sâu và chuyên môn hóa cao.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, người lao động tích cực thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch năm 2019. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, đảm bảo công khai, dân chủ, kịp thời và đúng đối tượng.

5. TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY:

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Tập đoàn luôn luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất góp phần bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn.



b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Nhận thức được vai trò của con người đối với doanh nghiệp, Ban Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, đảm bảo những quyền và lợi ích của người lao động theo đúng đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm tạo môi trường làm việc thuận lợi nhất cho người lao động yên tâm công tác.

c) Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tập đoàn rất coi trọng và quan tâm xây dựng mối quan hệ mật thiết với các cộng đồng chủ chốt bằng các hình thức như ủng hộ xây dựng các công trình phúc lợi, đền ơn đáp nghĩa, tạo công ăn việc làm cho người dân, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động từ thiện và bảo vệ môi trường tại địa phương.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Năm 2020, là năm nhiều thách thức với ngành chăn nuôi, mặc dù vậy, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã luôn bám sát diễn biến của thị trường các sản phẩm chăn nuôi, tìm mọi giải pháp để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm. Do vậy, hầu hết các chỉ tiêu kỹ thuật về năng suất, chất lượng sản phẩm đều đạt tốt. Tuy nhiên, do giá các sản phẩm chăn nuôi xuống thấp khiến cho các đơn vị này không thực hiện được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, song Tập đoàn vẫn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động như chế độ ốm đau, thai sản, sinh nhật, đám hiếu, hỷ; thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cho người lao động theo qui định của pháp luật; đảm bảo thu nhập bình quân của người lao động đạt mức khá tốt so với các doanh nghiệp trong ngành; Các lợi ích của cổ đông cũng được đảm bảo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty:

Nhận thức bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tất cả các nhà máy sản xuất, đơn vị chăn nuôi của công ty đều được đầu tư hệ thống xử lý môi trường hiện đại, tuân thủ đúng các tiêu chuẩn về môi trường theo qui định hiện hành. Công ty luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Công ty đã thực hiện đúng



các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

3.1. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc có 6 thành viên gồm: Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty: Tài chính, Kỹ thuật, Vật tư – XNK, Thị trường, Công nghệ, Sản xuất giống, Đầu tư xây dựng.

- Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã có những chính sách, biện pháp sát với tình hình thực tế, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt



các phòng ban, các công ty và đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

3.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

HĐQT công ty định hướng chỉ đạo, theo dõi và giám sát đối với việc quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc Công ty thông qua:

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các biện pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý Nhà nước có thể thực hiện tốt chức năng thanh tra, kiểm soát, giám sát của mình.
- Thông báo đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua theo quy định.
- Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT duy trì chế độ họp giao ban sản xuất định kỳ 1 tháng 1 lần với Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ban chuyên môn nghiệp vụ Công ty, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên và đơn vị trực thuộc để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, đồng thời có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, đảm bảo các quyết định chỉ đạo của HĐQT được kịp thời và bám sát tình hình SXKD thực tế của Công ty.

3.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban TGD đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Ban TGD đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong việc thực hiện quản lý, điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Trong năm qua, Ban TGD đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế của công ty, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phát triển thành một tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình 3F (Farm-Feed-Food) gồm: "Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO (Food - Thực phẩm)"; đồng thời tận dụng các cơ hội từ lĩnh vực kinh doanh bất động sản, thương mại - dịch vụ để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.



- Tăng cường hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học và tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; lai tạo giống gia súc, gia cầm có năng suất, chất lượng cao và sạch bệnh; tạo ra các sản phẩm mới trong chăn nuôi có giá trị gia tăng cao.
- Ưu tiên đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp các cơ sở sản xuất kinh doanh, mở rộng qui mô, nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh.
- Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và trách nhiệm với cộng đồng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT

STT	Họ và tên	chức vụ	số cổ phần sở hữu	tỷ lệ (%)
01	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	16.645.809	18,27
02	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó CT HĐQT kiêm TGD	1.020.610	1.12%
03	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD, Kế toán trưởng	1.547.832	1.7%
04	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	966.451	1.06%
05	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT	4.291	0.01%
06	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT,	103.672	0.11%
07	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT	444.312	0.49%
08	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT	1.046.506	1.15%
09	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	0	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực cụ thể.

c) Hoạt động của HĐQT:

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các biện pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý Nhà nước có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	Số 01/2019/ NQ-HĐQT	02/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ kết, đánh giá tình hình SXKD năm 2018; - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2019; - Về việc xét thưởng ABC năm 2018 và thưởng tết Kỷ Hợi năm 2019; - Phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ; - Thông qua việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH giống gia cầm Dabaco Bình Phước và thành lập chi nhánh Công ty; - Thông qua việc vay vốn tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng, công ty cho thuê tài chính để phục vụ SXKD năm 2019 và đầu tư xây dựng; - Thông qua việc phát hành bảo lãnh đối với khoản vay của Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco tại Ngân hàng SeABank; - Thông qua giao dịch giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam với các bên có liên quan; - Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân tại thành phố Bắc Ninh.
02	Số 02/2019/ NQ-HĐQT	19/03/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán; - Thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2018; - Thông qua thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; - Thông qua chủ trương đầu tư xây dựng một số dự án của công ty.
03	Số 03/2019/ NQ-HĐQT	12/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình hình SXKD Quý I/2019 và triển khai nhiệm vụ quý II/2019; - Về công tác tổ chức cán bộ; - Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; - Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Ninh.
04	Số 04/2019/ NQ-HĐQT	15/05/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu DBC tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); - Thông qua phương án tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE);

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
04	Số 04/2019/ NQ-HĐQT	15/05/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký thành lập Chi nhánh Công ty TNHH DABACO Bình Phước; - Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco; - Thông qua việc tái cơ cấu một số công ty con và dự án đầu tư; - Thông qua việc vay vốn tại một số Ngân hàng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; - Thông qua việc đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty TNHH đầu tư và phát triển cụm công nghiệp Khúc Xuyên; - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2019.
05	Số 05/2019/ NQ-HĐQT	26/08/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai nhiệm vụ SXKD và đầu tư các tháng cuối năm 2019; - Thông qua việc hỗ trợ lãi suất vay vốn Ngân hàng dự án Khu nhà ở Dabaco Lạc Vệ; - Thông qua việc đầu tư tài sản cố định bằng hình thức thuê tài chính và bảo lãnh hợp đồng thuê tài chính của Công ty con; - Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	26/4/2015	05	100%	
02	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT	26/4/2015	05	100%	
03	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên	26/4/2015	05	100%	
04	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên	26/4/2015	05	100%	
05	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên	26/4/2015	05	100%	
06	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên	26/4/2015	05	100%	
07	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên	26/4/2015	05	100%	
08	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên	26/4/2015	05	100%	
09	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên	26/4/2015	05	100%	

-> HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các biện pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý Nhà nước có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

-> Thông báo đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua theo quy định.

-> Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT duy trì chế độ họp giao ban định kỳ 1 tháng 1 lần với Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ban chuyên môn nghiệp vụ Công ty, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên và đơn vị trực thuộc để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, đồng thời có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, đảm bảo các quyết định chỉ đạo của HĐQT được kịp thời và bám sát tình hình SXKD thực tế của Công ty. Tháng 12/2019, Công ty đã hoàn thiện phòng họp trực tuyến. Hội nghị trực tuyến giúp cho Công ty tiết kiệm được thời gian, chi phí và nâng cao hiệu suất làm việc, thắt chặt các mối quan hệ.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, tham gia đầy đủ các phiên họp và các hoạt động của HĐQT, phát huy vai trò phản biện đối với các thành viên HĐQT khác và Ban điều hành.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Tất cả thành viên HĐQT công ty đã tham gia lớp đào tạo về quản trị Công ty do UBCKNN tổ chức và đã được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, cụ thể:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số chứng nhận của chứng chỉ QTCT
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	13 QTCT 312/QĐ-TTNC
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT	14 QTCT 312/QĐ-TTNC
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT	90 QTCT 67/QĐ-TTNC
4	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT	39 QTCT 53/QĐ-TTNC
5	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT	67 QTCT 53/QĐ-TTNC
6	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	22 QTCT 42/QĐ-TTNC
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT	04 QTCT 56/QĐ-TTNC
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT	05 QTCT 56/QĐ-TTNC
9	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT	06 QTCT 56/QĐ-TTNC

2. BAN KIỂM SOÁT

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (chốt ngày 22/07/2019)	Tỷ lệ (%)
01	Ông Nguyễn Văn Linh	Trưởng BKS	37.752	0,04%
02	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	3.049	0,003%
03	Bà Đinh Thị Minh Thuận	TV BKS	4.356	0,005%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Cuộc họp của Ban kiểm soát

TT	Số Biên bản	Ngày họp	Nội dung họp
1	Số 01/2019/ BB-BKS	04/01/2019	<ul style="list-style-type: none">- Thông báo kết quả SXKD2018,- Thống báo một số quyết định, chủ trương 2019- Thông báo chương trình & nội dung chuẩn bị đại hội cổ đông thường niên năm 2019
2	Số 02/2019/ BB-BKS	15/04/2019	<ul style="list-style-type: none">- Thông báo 1 số nội dung về đại hội cổ đông ngày 28/4/2018- Thông báo sơ bộ kết quả kinh doanh năm 2018 và những tháng đầu năm, biện pháp triển khai một số nhiệm vụ cấp bách 6 tháng cuối năm;- Lấy ý kiến về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán 2019
3	Số 03/2019/ BB-BKS	27/08/2019	<ul style="list-style-type: none">- Thông báo và phổ biến nội dung đánh giá 9 tháng hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch triển khai của HĐQT 4 tháng cuối năm 2019- Yêu cầu các thành viên tăng cường đôn đốc kiểm tra sát các đơn vị, ban kiểm soát cũng phải tăng cường kiểm tra các đơn vị, tìm ra yếu kém để khắc phục- Thông báo một số chủ trương của HĐQT công ty;- Triển khai công việc của Ban kiểm soát.
4	Số 04/2019/ BB-BKS	3/11/2019	<ul style="list-style-type: none">- Tăng cường đôn đốc kiểm tra sát các đơn vị, đặc biệt kiểm tra sát sao việc phòng dịch ban kiểm soát cũng phải tăng cường kiểm tra các đơn vị, tìm ra yếu kém để khắc phục- Thông báo một số chủ trương của HĐQT công ty;- Triển khai công việc của Ban kiểm soát.

2. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát:

2.1. Đối với Hội đồng quản trị:

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức họp theo quy định của Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại các phiên họp, HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Xem xét, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra và đưa ra các giải pháp thực hiện nhiệm vụ cụ thể đối với từng đơn vị, nhằm tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các phiên họp HĐQT và các cuộc họp giao ban Công ty hàng tháng do Chủ tịch HĐQT chủ trì, Ban kiểm soát đều được mời tham dự, phát biểu ý kiến nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn đáp ứng quyền lợi của các cổ đông.

- Nghị quyết HĐQT đưa ra đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật và bám sát thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tính dân chủ và thống nhất cao. Việc triển khai các Nghị quyết của HĐQT được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả. Công bố thông tin các nội dung của Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Tổng Giám đốc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT phê duyệt. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các đơn vị theo từng lĩnh vực cụ thể, có trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra toàn bộ hoạt động SXKD của đơn vị, từ đó chỉ ra được những tồn tại trong quá trình hoạt động SXKD và đưa ra giải pháp hỗ trợ các đơn vị khắc phục hiệu quả.

- Ban Tổng Giám đốc làm việc với tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích của Công ty và cổ đông; không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, quan tâm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Trong năm, 01 Phó TGĐ nghỉ hưu theo chế độ.

- Đánh giá chung, năm 2019 ngành chăn nuôi gặp nhiều khó khăn, thách thức do phải đối mặt với tình hình dịch bệnh (đặc biệt là dịch tả lợn Châu phi bùng phát trên diện rộng). Tất cả hoạt động kinh doanh trong ngành từ thức ăn chăn nuôi, giống, chăn nuôi tập trung, thực phẩm.... đều bị tác động. Do đó, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 hầu hết các đơn vị đều không đạt kế hoạch.

2.3. Đối với các cán bộ quản lý khác:

Các cán bộ quản lý khác của Công ty thực hiện công tác quản lý, điều hành theo sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc, nhất quán thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đề ra ngay từ những ngày đầu năm. Đồng thời, chủ động đưa ra các giải pháp triển khai thực hiện mục tiêu cho phù hợp với biến động của thị trường.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- HĐQT cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu. Hoạt động của Ban kiểm soát được tôn trọng và đảm bảo tính khách quan, độc lập.

- Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra, tổ công tác của Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên Công ty.

- Những ý kiến của Ban kiểm soát gửi đến HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đều được phản hồi đầy đủ và kịp thời.

4. Hoạt động khác của BKS:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.
- Giám sát việc thực thi pháp luật và thực hiện các quy chế, quy định mà Công ty đã ban hành cũng như xem xét, kiến nghị Công ty xây dựng, ban hành các quy chế nội bộ.

Một số kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Qua thực tế giám sát hoạt động của công ty, để duy trì được tốc độ tăng trưởng theo kế hoạch kinh doanh 2019 đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, đồng thời kiểm soát được những rủi ro có thể phát sinh, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:
 - Đề nghị HĐQT và Ban TGD tiếp tục chỉ đạo, tăng cường công tác giám sát bán hàng
 - Tiếp tục rà soát, cải tiến quy trình, quy chế quản lý, giám sát làm cơ sở cho công tác điều hành, đánh giá hiệu quả và kiểm soát rủi ro.
 - Tăng cường vai trò của kiểm soát nội bộ trong việc quản lý tài chính, giám sát sự tuân thủ các quy trình, quy chế trong công ty.
 - Xây dựng định mức tồn kho, quy trình quản lý kho theo tiêu chuẩn tiên tiến để tăng vòng quay hàng tồn kho đồng thời vẫn đảm bảo việc cung ứng hàng cho thị trường.
- Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:
- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - Giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ công ty.
 - Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT công ty để trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.
 - Tiếp tục rà soát, kiến nghị những vấn đề bất cập trong các quy trình, quy chế, hoạt động kinh doanh của công ty. Giám sát việc tuân thủ đúng các quy trình và quy chế. Giám sát việc triển khai các dự án đầu tư mới.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a) Tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2019 (chưa trừ thuế TNCN và BHXH, YT, TN):

Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thù lao
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	1,200,912,000	360.000.000
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	840,834,000	240.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT, Phó TGD, Kế toán trưởng	600,782,000	240.000.000
4	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT, Phó TGD	600,746,000	240.000.000
5	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT	-	240.000.000
6	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT	-	240.000.000
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT	-	240.000.000
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT	-	240.000.000
9	Ông Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	-	300.000.000
10	Ông Nguyễn Trọng Kích	Phó TGD	200,782,000	-
11	Ông Phạm Văn Học	Phó TGD	840,746,000	-
12	Ông Nguyễn Thế Chinh	Phó TGD	600,782,000	-
13	Ông Nguyễn Văn Tuế	Phó TGD	933.637.000	-

Ban kiểm sát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương VNĐ	Tiền thù lao VNĐ
1	Ông Nguyễn Văn Linh	Trưởng BKS	308.621.000	36.000.000
2	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	180.000.000	24.000.000
3	Bà Đinh Thị Minh Thuận	TV BKS	-	18.000.000

b) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các quy định về quản trị công ty theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đã ban hành.

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế công bố thông tin của Sở giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Để đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư, Công ty luôn rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ giúp Ban lãnh đạo Công ty quản lý chuẩn mực và hiệu quả.

DABACO GROUP

Thank you



DABACO GROUP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 50

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh siêu thị; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Cửa hàng xăng dầu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Tường	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Toàn	Thành viên
Ông Trần Xuân Mạnh	Thành viên
Ông Lê Quốc Đoàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên



Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng ban
Ông Ngô Huy Tuệ	Thành viên
Bà Đinh Thị Minh Thuận	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Thảo	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Kích	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Học	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Tường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc kiểm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Thế Chinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuế	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như So.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Khắc Thảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61063700/21042698

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1



Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3342-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.377.863.152.608	3.771.110.157.571
110	I. Tiền	4	165.286.575.787	150.005.137.485
111	1. Tiền		165.286.575.787	150.005.137.485
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		484.800.574.115	378.373.060.065
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	484.800.574.115	378.373.060.065
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		410.975.729.367	346.280.162.569
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	211.690.746.088	150.319.692.022
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	106.159.192.629	123.133.906.708
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7.1	93.125.790.650	72.826.563.839
140	IV. Hàng tồn kho	8	3.128.239.779.920	2.701.421.140.647
141	1. Hàng tồn kho		3.128.239.779.920	2.701.421.140.647
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		188.560.493.419	195.030.656.805
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	22.617.637.950	48.417.845.755
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	157.551.030.549	143.213.006.458
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		8.391.824.920	3.399.804.592
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.214.061.770.392	4.578.903.291.616
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.866.650.588	3.085.593.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7.2	13.866.650.588	3.085.593.000
220	II. Tài sản cố định		4.560.876.876.636	3.225.441.438.338
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.952.077.043.860	2.802.420.893.821
222	Nguyên giá		5.201.455.262.018	3.837.523.103.796
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.249.378.218.158)	(1.035.102.209.975)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	608.799.832.776	423.020.544.517
225	Nguyên giá		756.874.248.265	557.969.321.977
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(148.074.415.489)	(134.948.777.460)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	11	499.933.115.323	1.213.348.243.514
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		499.933.115.323	1.213.348.243.514
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	86.483.458.082	87.233.693.082
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		86.483.458.082	87.233.693.082
260	V. Tài sản dài hạn khác		52.901.669.763	49.794.323.682
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	52.901.669.763	48.612.531.433
269	2. Lợi thế thương mại	15	-	1.181.792.249
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.591.924.923.000	8.350.013.449.187



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.565.967.444.140	5.603.485.031.551
310	I. Nợ ngắn hạn		4.819.677.610.567	4.075.302.630.398
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	911.471.772.009	923.066.017.552
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	409.518.549.142	207.002.414.629
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	16.947.122.909	28.615.521.027
314	4. Phải trả người lao động	19	68.008.963.209	51.473.030.174
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	100.928.013.516	50.130.284.201
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	31.895.577.346	58.155.368.506
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	3.237.818.548.314	2.710.566.910.187
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	43.089.064.122	46.293.084.122
330	II. Nợ dài hạn		1.746.289.833.573	1.528.182.401.153
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	331.059.870.787	241.022.410.774
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	1.415.229.962.786	1.287.159.990.379
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.025.957.478.860	2.746.528.417.636
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	3.025.957.478.860	2.746.528.417.636
411	1. Vốn cổ phần	23.1	910.998.280.000	828.184.650.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		910.998.280.000	828.184.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	418.432.992.221	418.432.992.221
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	23.1	1.348.360.054.415	1.139.675.421.262
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	348.166.152.224	360.235.354.153
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		45.549.910.000	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		302.616.242.224	360.235.354.153
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.591.924.923.000	8.350.013.449.187

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng


Nguyễn Như So
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Ngày 11 tháng 3 năm 2020


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	7.299.931.189.964	6.795.512.334.046
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(113.174.016.215)	(121.206.863.230)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	7.186.757.173.749	6.674.305.470.816
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(6.020.208.085.226)	(5.595.581.185.533)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.166.549.088.523	1.078.724.285.283
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	27.480.285.000	40.781.927.222
22	7. Chi phí tài chính	27	(294.872.857.938)	(192.635.924.873)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(281.784.606.072)	(188.946.659.079)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		1.249.765.000	-
25	9. Chi phí bán hàng	26	(267.546.339.711)	(258.384.611.438)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(293.922.671.278)	(281.328.855.897)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		338.937.269.596	387.156.820.297
31	12. Thu nhập khác	28	6.690.778.889	14.617.568.062
32	13. Chi phí khác	28	(576.601.928)	(8.415.674.046)
40	14. Lợi nhuận khác	28	6.114.176.961	6.201.894.016
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		345.051.446.557	393.358.714.313
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(39.921.204.333)	(33.123.360.160)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		305.130.242.224	360.235.354.153
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	23.1	305.130.242.224	360.235.354.153
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	3.349	3.700
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	3.349	3.700


Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập


Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng


Nguyễn Như So
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 11 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		345.051.446.557	393.358.714.313
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		312.349.785.065	259.495.216.033
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		-	(6.000.000.000)
04	Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.370.154	(1.810.909)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(30.165.010.592)	(40.730.899.618)
06	Chi phí lãi vay	27	281.784.606.072	188.946.659.079
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		909.023.197.256	795.067.878.898
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(239.398.128.625)	136.047.689.870
10	Tăng hàng tồn kho		(426.818.639.273)	(657.548.708.424)
11	Tăng các khoản phải trả		658.758.533.597	299.136.017.780
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		21.511.069.475	(21.165.015.597)
14	Tiền lãi vay đã trả		(347.581.465.058)	(254.795.493.018)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(54.591.843.914)	(61.544.820.040)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	22	(26.391.201.000)	(6.532.130.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		494.511.522.458	228.665.419.469
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(859.414.882.002)	(936.419.399.542)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		64.438.578.105	3.032.849.296
23	Tiền chi đầu tư vào khoản tiền gửi có kỳ hạn		(210.521.225.388)	(141.046.084.390)
24	Tiền thu hồi lại khoản tiền gửi có kỳ hạn		104.093.711.338	175.633.299.839
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		1.249.765.000	15.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		26.052.015.703	29.194.334.865
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(874.102.037.244)	(854.604.999.932)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		7.130.320.464.576	5.213.725.838.587
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.605.425.189.244)	(4.484.196.327.590)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính		(130.020.952.090)	(96.628.203.659)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(82.818.465.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		394.874.323.242	550.082.842.338

12-00
 T. TY
 IN
 YOU
 NAM
 HAMB
 NỘI
 M - 3.1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		15.283.808.456	(75.856.738.125)
60	Tiền đầu năm		150.005.137.485	225.860.064.701
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.370.154)	1.810.909
70	Tiền cuối năm	4	165.286.575.787	150.005.137.485

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Như So
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 11 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh siêu thị; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Cửa hàng xăng dầu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 5.218 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4.921 nhân viên).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 23 công ty con, bao gồm:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco	100	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò.
2	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc; sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi gia công	100	100	Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, mua bán và đại lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
4	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chăn nuôi Lợn Dabaco	100	100	Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi lợn thịt, chăn nuôi lợn sữa, lợn giống, hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh mua bán lợn thịt, lợn giống, lợn thương phẩm.
5	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi và kinh doanh gà giống.
6	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Dabaco	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất và kinh doanh rau an toàn ứng dụng công nghệ cao.
7	Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	100	100	Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất, kinh doanh thực phẩm; các sản phẩm bao bì nhựa PP, PE, composit; thương mại, dịch vụ.
8	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	100	100	Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Mua bán, xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại.
9	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco (*)	100	100	Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng công trình, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, mua bán và cho thuê xe, máy móc và thiết bị.
10	Công ty TNHH Nutreco	100	100	Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
11	Công ty TNHH Lợn giống Hải Phòng	100	100	Thôn Trại Viên, xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
12	Công ty TNHH Lợn giống Hà Nam	100	100	Thôn Thương Vĩ, xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
13	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam	100	100	Khu công nghiệp Hòa Mạc, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
14	Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ	100	100	Khu 1, xã Tế Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
15	Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	➤ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.
16	Công ty TNHH Xây dựng Hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	➤ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.
17	Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường vành đai III và TL295B Từ Sơn	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	➤ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.
18	Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn L'Indochina	100	100	Đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh	➤ Dịch vụ lưu trú, nhà hàng, ăn uống, thương mại, dịch vụ.
19	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài	100	100	Thôn Thanh Khê, xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	➤ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
20	Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang	100	100	Thôn Định Trung, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	➤ Sản xuất, lai tạo giống gia súc, gia cầm; chăn nuôi gia súc, gia cầm và các lĩnh vực khác liên quan.
21	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cụm Công nghiệp Khúc Xuyên	100	100	Khu Khúc Toại, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	➤ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
22	Công ty TNHH Đầu tư Nhà ở Xã hội Thuận Thành	100	100	Thôn Ấp, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	➤ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
23	Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco	100	100	Cụm công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	➤ Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật

(*) Công ty TNHH MTV Cảng Dabaco Tân Chi đã sáp nhập vào Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco tại ngày 30 tháng 4 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam (VND).

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nguyên vật liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi và hàng hóa thương mại

Đối với con giống, gia súc và gia cầm chăn nuôi, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để ghi nhận hàng tồn kho. Đối với các loại hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán các loại hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | Giá gốc được xác định dựa trên phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của thức ăn chăn nuôi | - | Giá gốc bao gồm nguyên vật liệu (được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền), chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho các thành phẩm theo tiêu chí hợp lý. |

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

B09-DN/HN
TNA
NHÀ
Ả NỘ
TNA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian trích khấu hao của tài sản thuê tài chính như sau:

Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
---------------------	------------

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ v.v.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được xác nhận bởi người mua.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được các điều kiện trên, các khoản thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị vốn góp. Thu nhập được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch chuyển nhượng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi, sản xuất con giống, chăn nuôi và chế biến thực phẩm trong lãnh thổ Việt Nam là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các hoạt động kinh doanh khác trong lãnh thổ Việt Nam chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	20.296.437.876	37.188.027.388
Tiền gửi ngân hàng	144.990.137.911	112.817.110.097
TỔNG CỘNG	165.286.575.787	150.005.137.485

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ (đồng thời là giá gốc)</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	484.800.574.115	378.373.060.065
TỔNG CỘNG	484.800.574.115	378.373.060.065

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 2,5%/năm đến 8,15%/năm, trong đó:

- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 57 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 21.1);
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 27,3 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (Thuyết minh số 21.1); và
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 35 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản thư tín dụng đã mở của Công ty này tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 21.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và các hoạt động khác	166.784.754.498	79.202.038.532
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	44.905.991.590	71.117.653.490
TỔNG CỘNG	211.690.746.088	150.319.692.022

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Licogi 12 (TTTM)	36.274.773.890	-
- Công ty Thép tiền chế Zamil Việt Nam	4.186.113.813	16.278.994.675
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	111.605.600	33.049.763.969
- Các khoản trả trước khác	50.586.899.326	58.805.148.064
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	106.159.192.629	123.133.906.708

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

7.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	42.318.637.546	20.665.196.330
Đặt cọc để mở thư tín dụng tại ngân hàng	22.329.104.478	32.515.163.952
Phải thu lãi tiền gửi	8.320.718.522	7.201.991.684
Phải thu từ giao dịch chuyển nhượng vốn góp công ty con (Thuyết minh số 31)	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu khác	10.157.330.104	2.444.211.873
TỔNG CỘNG	93.125.790.650	72.826.563.839

7.2 Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là khoản ký quỹ làm tài sản đảm bảo tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam cho một số hợp đồng thuê tài chính ký với công ty này (xem Thuyết minh số 21.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng đang đi trên đường	185.424.519.370	224.158.333.704
Nguyên liệu, vật liệu	610.781.484.308	605.594.851.190
Công cụ, dụng cụ	4.013.246.224	3.898.961.636
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.101.776.510.843	1.660.950.646.638
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	<i>518.123.131.049</i>	<i>350.681.797.875</i>
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động chăn nuôi và hoạt động khác</i>	<i>1.583.653.379.794</i>	<i>1.310.268.848.763</i>
Thành phẩm	140.770.019.681	114.336.849.281
<i>Dự án Khu đô thị Đền Đô</i>	<i>10.620.657.992</i>	<i>10.165.110.301</i>
<i>Thành phẩm hoạt động sản xuất và chăn nuôi</i>	<i>130.149.361.689</i>	<i>104.171.738.980</i>
Hàng hóa	85.473.999.494	92.481.498.198
TỔNG CỘNG	<u>3.128.239.779.920</u>	<u>2.701.421.140.647</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một số hàng tồn kho đã được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng như sau: Hàng tồn kho tại Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Topfeeds tại Khu Công nghiệp Khắc Niệm, Bắc Ninh với giá trị tối thiểu tương đương 8 triệu USD được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam (Thuyết minh số 21.1).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	2.290.182.738.134	1.353.394.389.152	167.444.337.260	26.501.639.250	3.837.523.103.796
Mua trong năm	299.400.000	25.149.091.886	12.860.042.614	274.852.182	38.583.386.682
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	661.441.355.087	695.494.909.716	18.954.423.641	13.228.581.133	1.389.119.269.577
Phân loại từ TSCĐ thuê tài chính	-	83.856.864.722	10.715.040.000	-	94.571.904.722
Thanh lý, nhượng bán	(2.980.733.483)	(151.921.131.497)	(907.985.000)	(40.900.000)	(155.850.749.980)
Giảm khác	(2.491.652.779)	(848.937.786)	848.937.786	-	(2.491.652.779)
Số cuối năm	2.946.451.106.959	2.005.125.186.193	209.914.796.301	39.964.172.565	5.201.455.262.018
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	16.026.592.779	158.157.842.326	50.129.578.021	5.253.634.807	229.567.647.933
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	496.333.722.247	428.570.455.217	100.258.891.849	9.939.140.662	1.035.102.209.975
Khấu hao trong năm	126.951.363.288	112.949.622.172	13.501.365.331	2.529.502.891	255.931.853.682
Phân loại từ TSCĐ thuê tài chính	-	35.498.562.122	7.816.319.511	-	43.314.881.633
Thanh lý, nhượng bán	(2.980.733.483)	(76.934.051.729)	(497.318.328)	(40.900.000)	(80.453.003.540)
Giảm khác	(4.517.723.592)	-	-	-	(4.517.723.592)
Số cuối năm	615.786.628.460	500.084.587.782	121.079.258.363	12.427.743.553	1.249.378.218.158
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	1.793.849.015.887	924.823.933.935	67.185.445.411	16.562.498.588	2.802.420.893.821
Số cuối năm	2.330.664.478.499	1.505.040.598.411	88.835.537.938	27.536.429.012	3.952.077.043.860
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)	687.364.465.960	487.183.944.386	16.425.999.347	-	1.190.974.409.693

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, một số tài sản cố định là khách sạn, siêu thị, nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất và dây chuyền sản xuất thực ăn chăn nuôi với giá trị còn lại khoảng 1.191 tỷ đồng Việt Nam đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	542.562.131.977	15.407.190.000	557.969.321.977
Thuê thêm trong năm (Giảm)/tăng khác	292.101.097.669 (9.384.300.000)	1.375.733.341 9.384.300.000	293.476.831.010 -
Phân loại sang TSCĐ hữu hình (<i>Thuyết minh số 9</i>)	<u>(83.856.864.722)</u>	<u>(10.715.040.000)</u>	<u>(94.571.904.722)</u>
Số cuối năm	<u>741.422.064.924</u>	<u>15.452.183.341</u>	<u>756.874.248.265</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	122.466.240.869	12.482.536.591	134.948.777.460
Khấu hao trong năm Phân loại sang TSCĐ hữu hình (<i>Thuyết minh số 9</i>)	54.646.345.182 (35.498.562.122)	1.794.174.480 (7.816.319.511)	56.440.519.662 (43.314.881.633)
Số cuối năm	<u>141.614.023.929</u>	<u>6.460.391.560</u>	<u>148.074.415.489</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>420.095.891.108</u>	<u>2.924.653.409</u>	<u>423.020.544.517</u>
Số cuối năm	<u>599.808.040.995</u>	<u>8.991.791.781</u>	<u>608.799.832.776</u>

Công ty thuê hệ thống thiết bị chuồng trại chăn nuôi, hệ thống chế biến thực phẩm và các phương tiện vận chuyển theo các hợp đồng thuê tài chính kỳ với các công ty cho thuê tài chính. Cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 21.3.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà máy phân bón hữu cơ Việt Nhật	213.565.785.820	204.745.188.696
Dự án cảng Dabaco - giai đoạn 2	72.546.036.316	54.139.666.762
Dự án nhà máy Nutreco Hà Tĩnh (*)	68.812.356.798	42.116.105.125
Dự án kho nguyên liệu Hạp Lĩnh (*)	31.480.066.100	31.805.307.100
Dự án trung tâm thương mại Đại Phúc	13.882.634.545	13.846.034.545
Dự án siêu thị Thuận Thành	13.118.093.652	11.838.078.202
Dự án trung tâm thương mại Yên Phong	12.084.346.486	11.699.823.486
Dự án lợn giống Dabaco Phú Thọ	8.615.115.500	5.717.241.818
Dự án trung tâm sản xuất giống Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	8.200.000.000	8.200.000.000
Dự án khu chăn nuôi Hà Tĩnh	7.424.949.272	7.424.949.272
Dự án Nhà máy ép dầu	-	515.651.260.543
Dự án khu chăn nuôi gà giống Bình Phước	-	151.485.494.018
Dự án nhà máy thức ăn chăn nuôi Bình Phước	-	65.608.515.363
Dự án trung tâm gia súc gia cầm Tuyên Quang	-	51.425.186.581
Dự án nhà hàng Đền Đô	-	13.500.701.547
Dự án mở rộng văn phòng Công ty	-	9.065.276.809
Các dự án khác	50.203.730.834	15.079.413.647
TỔNG CỘNG	<u>499.933.115.323</u>	<u>1.213.348.243.514</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các tài sản thuộc các dự án này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị khoảng 69 tỷ đồng Việt Nam (năm 2018: 68,1 tỷ đồng Việt Nam). Chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay dùng để đầu tư các tài sản cố định của Tập đoàn.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ (đồng thời là giá trị hợp lý)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	86.483.458.082	87.233.693.082
TỔNG CỘNG	86.483.458.082	87.233.693.082

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyết biểu quyết	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyết biểu quyết
Công ty Cổ phần Transeco	(i) 20.000.000.000	33,33%	33,33%	20.000.000.000	33,33%	33,33%
Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco	(ii) 66.483.458.082	45%	45%	67.233.693.082	45%	45%
TỔNG CỘNG	86.483.458.082			87.233.693.082		

(i) Công ty Cổ phần Transeco

Công ty Cổ phần Transeco là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300942823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 13 tháng 7 năm 2016. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là cung cấp dịch vụ vận chuyển và vận tải.

Công ty này có trụ sở tại Cụm công nghiệp Khắc Niệm, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

(ii) Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco

Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300345626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 4 tháng 9 năm 2008, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 5 tháng 7 năm 2017. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; sản xuất thực phẩm và đồ uống.

Công ty này có trụ sở tại Quốc lộ 38, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

	<i>Công ty Cổ phần Transeo</i>	<i>Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco</i>	<i>Tổng cộng</i>
Giá trị đầu tư:			
Số đầu năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>90.000.000.000</u>	<u>110.000.000.000</u>
Số cuối năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>90.000.000.000</u>	<u>110.000.000.000</u>
Phản lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:			
Số đầu năm	-	(22.766.306.918)	(22.766.306.918)
- Phần lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết	2.000.000.000	(750.235.000)	1.249.765.000
- Cổ tức được chia trong năm	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số cuối năm	-	(23.516.541.918)	(23.516.541.918)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>67.233.693.082</u>	<u>87.233.693.082</u>
Số cuối năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>66.483.458.082</u>	<u>86.483.458.082</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	14.088.233.880	46.727.228.729
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.529.404.070	1.690.617.026
TỔNG CỘNG	<u>22.617.637.950</u>	<u>48.417.845.755</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	49.215.014.352	43.694.293.897
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.686.655.411	4.918.237.536
TỔNG CỘNG	<u>52.901.669.763</u>	<u>48.612.531.433</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

*Lợi thế thương mại
từ hợp nhất Công ty
TNHH MTV Thương
mại Hiệp Quang*

Nguyên giá:

Số đầu năm	11.817.922.747
Số cuối năm	<u>11.817.922.747</u>

Phân bổ lũy kế:

Số đầu năm	10.636.130.498
Phân bổ trong năm	1.181.792.249
Số cuối năm	<u>11.817.922.747</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	1.181.792.249
Số cuối năm	<u>-</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả nhà cung cấp nguyên vật liệu nước ngoài	294.835.620.557	373.805.662.573
- Peter Cremer Canada LTD	99.781.000.000	-
- Bunge Asia Pte Ltd	42.261.177.500	-
- Enerfo Pte.Ltd	74.207.542.500	122.042.351.813
- The Delong Co., INC	52.424.604.935	24.399.761.623
- Cargill	-	89.624.546.826
- CJ International Asia Pte.LTD	-	28.519.871.625
- Export Trading Commodities	-	18.228.944.016
- Các nhà cung cấp nước ngoài khác	26.161.295.622	90.990.186.670
Phải trả nhà cung cấp trong nước	600.615.782.212	536.384.986.328
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	16.020.369.240	12.875.368.651
TỔNG CỘNG	<u>911.471.772.009</u>	<u>923.066.017.552</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	301.225.030.041	88.971.731.094
- Công ty TNHH Cụm Khu công nghiệp Khúc Xuyên	244.230.398.000	-
- Các nhà cung cấp nước ngoài khác	56.994.632.041	88.971.731.094
Chiết khấu thương mại trích trước (*)	108.251.309.101	118.002.567.535
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	42.210.000	28.116.000
TỔNG CỘNG	409.518.549.142	207.002.414.629

(*) Giá trị chiết khấu thương mại đã phát sinh trong năm 2019 nhưng chưa được chi trả tại thời điểm cuối năm. Giá trị chiết khấu này sẽ được giảm trừ vào công nợ phải thu của khách hàng trong các tháng tiếp theo.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	42.136.590	73.107.369.041	(72.524.988.117)	624.517.514
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.573.384.437	39.921.204.333	(54.591.843.914)	13.902.744.856
Tiền sử dụng đất	-	53.775.275.811	(51.539.612.711)	2.235.663.100
Thuế thu nhập cá nhân	-	45.266.404	(43.724.577)	1.541.827
Các loại thuế khác	-	4.271.331.184	(4.088.675.572)	182.655.612
TỔNG CỘNG	28.615.521.027	171.120.446.773	(182.788.844.891)	16.947.122.909
	Số đầu năm	Số kê khai hoàn trong năm	Số đã cân trừ trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	143.213.006.458	187.567.374.326	(173.229.350.235)	157.551.030.549
TỔNG CỘNG	143.213.006.458	187.567.374.326	(173.229.350.235)	157.551.030.549

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng và phát triển bất động sản phải trả	69.899.441.693	30.371.451.347
Chi phí lãi vay phải trả	9.044.794.308	6.483.617.519
Chi phí phải trả khác	21.983.777.515	13.275.215.335
TỔNG CỘNG	100.928.013.516	50.130.284.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	13.133.063.067	9.037.592.305
Nhận đặt cọc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng	85.000.000	-
Khoản hỗ trợ tạm thời để bình ổn giá phải trả cho UBND tỉnh Bắc Ninh	-	31.078.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18.677.514.279	18.039.776.201
TỔNG CỘNG	<u>31.895.577.346</u>	<u>58.155.368.506</u>
<i>Dài hạn</i>		
Khoản hỗ trợ của UBND tỉnh Bắc Ninh để xây dựng hệ thống xử lý môi trường cho khu chăn nuôi tập trung và xây dựng công trình khác (*)	173.563.494.000	173.563.494.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (**)	70.270.446.833	58.068.320.974
Khoản đặt cọc thực hiện hợp đồng góp vốn và môi giới các dự án bất động sản từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	70.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	17.225.929.954	9.390.595.800
TỔNG CỘNG	<u>331.059.870.787</u>	<u>241.022.410.774</u>

(*) Đây là các khoản nhận từ UBND tỉnh Bắc Ninh để hỗ trợ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được quyết toán vào giá trị đầu tư của dự án khi hoàn thành và đưa vào sử dụng. Giá trị hỗ trợ cuối cùng Công ty nhận được phụ thuộc sự chấp thuận của UBND tỉnh Bắc Ninh sau khi quyết toán giá trị đầu tư các dự án này.

(**) Chủ yếu bao gồm khoản tiền nhận góp vốn của Công ty TNHH JNK Enterprise Việt Nam để mua máy trò chơi Casino tại công ty con của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn ngân hàng							
(Thuyết minh số 21.1)	2.461.239.173.219	2.461.239.173.219	6.616.606.413.267	(6.223.080.751.590)	2.854.764.834.896	2.854.764.834.896	
Vay dài hạn đến hạn trả	166.393.171.538	166.393.171.538	311.304.029.898	(214.649.047.940)	263.048.153.496	263.048.153.496	
(Thuyết minh số 21.2)							
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	82.534.565.430	82.534.565.430	141.876.950.219	(105.065.955.727)	119.345.559.922	119.345.559.922	
(Thuyết minh số 21.3)							
Vay đối tượng khác	400.000.000	400.000.000	660.000.000	(400.000.000)	660.000.000	660.000.000	
(Thuyết minh số 21.5)							
	2.710.566.910.187	2.710.566.910.187	7.070.447.393.384	(6.543.195.755.257)	3.237.818.548.314	3.237.818.548.314	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng							
(Thuyết minh số 21.2)	974.591.201.573	974.591.201.573	513.054.051.309	(408.599.419.612)	1.079.045.833.270	1.079.045.833.270	
Nợ thuế tài chính							
(Thuyết minh số 21.3)	148.568.788.806	148.568.788.806	262.331.952.292	(166.831.946.582)	242.184.129.516	242.184.129.516	
Vay dài hạn từ quỹ Đầu tư và Phát triển UBND tỉnh Bắc Ninh							
(Thuyết minh số 21.4)	94.000.000.000	94.000.000.000	-	-	94.000.000.000	94.000.000.000	
Vay đối tượng khác	70.000.000.000	70.000.000.000	-	(70.000.000.000)	-	-	
	1.287.159.990.379	1.287.159.990.379	775.366.003.601	(645.431.366.194)	1.415.229.962.786	1.415.229.962.786	
TỔNG CỘNG							

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	2.854.764.834.896	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 1 năm. Lãi vay trả vào ngày 20 đến 26 hàng tháng.	6,2% - 10%

TỔNG CỘNG **2.854.764.834.896**

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn:

- ▶ Toàn bộ tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất của 4 mảnh đất ở tỉnh Bắc Ninh ở Thuyết minh số 9 và chứng chỉ tiền gửi như đã được trình bày ở Thuyết minh số 5;
- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn như được trình bày tại Thuyết minh số 9 (đồng thời là tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng này – xem Thuyết minh số 21.2);
- ▶ Toàn bộ tài sản đã hình thành của dự án Nhà máy ép dầu như được trình bày ở Thuyết minh số 11;
- ▶ Khách sạn Le Indochina của Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn L' Indochina, công ty con của Công ty (Thuyết minh số 9);
- ▶ Hàng tồn kho hình thành từ vốn vay ở Thuyết minh số 8; và
- ▶ Phần còn lại là tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Các khoản vay	Ngày 31 tháng 12		Đơn vị tính: VND
	năm 2019	Kỳ hạn trả gốc và lãi	
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	1.342.093.986.766	Gốc vay được trả lần cuối trong giai đoạn từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 1 năm 2029. Lãi vay trả hàng tháng.	9,5% - 12,3%
TỔNG CỘNG	<u>1.342.093.986.766</u>		
<i>Trong đó</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	263.048.153.496		
<i>Vay dài hạn</i>	1.079.045.833.270		

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn:

- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại Khu công nghiệp Hoàn Sơn (Thuyết minh số 9);
- ▶ Nhà cửa vật kiến trúc của Trung tâm giống gia súc gia cầm (Thuyết minh số 9);
- ▶ Trung tâm thương mại tại khu đô thị Đền Đò, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Thuyết minh số 9);
- ▶ Toàn bộ bất động sản, công trình trên đất và máy móc thiết bị, động sản nằm trong 19.208 m² đất thuộc cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, thuộc Dự án Kho nguyên liệu Hạp Lĩnh (Thuyết minh số 11);
- ▶ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Dự án Trung tâm thương mại Dabaco Gia Bình (Thuyết minh số 9);
- ▶ Bất động sản, máy móc thiết bị, phần vốn góp, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và các tài sản đảm bảo khác tại Dự án nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam của Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam - công ty con của Công ty (Thuyết minh số 9);
- ▶ Tài sản gắn liền với đất của Dự án Lợn Lương Tài, máy móc thiết bị chuồng nuôi (bao gồm cả khung nhà thép), phương tiện vận tải, quyền tài sản phát sinh từ dự án khu chăn nuôi lợn giống tại xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh của Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài - công ty con của Công ty (Thuyết minh số 9); và
- ▶ Tài sản gắn liền với đất đã hình thành của Dự án "Nhà máy sản xuất Thức ăn chăn nuôi cao cấp Dabaco Bình Phước" bao gồm máy móc thiết bị hình thành, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác (Thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 Nợ thuê tài chính

Chi tiết nợ thuê tài chính dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: VND

Các khoản nợ thuê tài chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản nợ thuê tài chính	361.529.689.438	Gốc vay được trả lần cuối trong giai đoạn từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 6 năm 2025. Lãi vay trả hàng tháng.	8,5%-10,5%
TỔNG CỘNG	361.529.689.438		
Trong đó:			
Nợ dài hạn đến hạn trả	119.345.559.922		
Nợ dài hạn	242.184.129.516		

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Từ 1 năm trở xuống	149.230.330.046	29.884.770.124	119.345.559.922
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Từ 1-5 năm	269.998.758.923	32.593.563.014	237.405.195.909
Trên 5 năm	4.891.755.113	112.821.506	4.778.933.607
TỔNG CỘNG	424.120.844.082	62.591.154.644	361.529.689.438

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Từ 1 năm trở xuống	101.121.757.702	18.587.192.272	82.534.565.430
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Từ 1-5 năm	173.136.490.983	24.567.702.177	148.568.788.806
TỔNG CỘNG	274.258.248.685	43.154.894.449	231.103.354.236

21.4 Vay dài hạn từ Quỹ Đầu tư và Phát triển UBND tỉnh Bắc Ninh

Đây là các khoản vay dài hạn không chịu lãi suất từ Quỹ Đầu tư và Phát triển UBND tỉnh Bắc Ninh, đáo hạn ngày 20 tháng 3 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.5 Vay đối tượng khác

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay các cá nhân	660.000.000	Gốc vay được trả lần cuối vào tháng 5 năm 2020. Lãi vay trả hàng tháng.	0,8%/tháng	Không có
TỔNG CỘNG	<u>660.000.000</u>			

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	46.293.084.122	17.639.187.122
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 23.1)	23.187.181.000	35.186.027.000
Sử dụng trong năm	(26.391.201.000)	(6.532.130.000)
Số dư cuối năm	<u>43.089.064.122</u>	<u>46.293.084.122</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước:					
Số đầu năm	828.184.650.000	418.432.992.221	1.057.574.691.172	198.424.271.844	2.502.616.605.237
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	360.235.354.153	360.235.354.153
- Trích lập các quỹ	-	-	82.100.730.090	(82.100.730.090)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(35.196.027.000)	(35.196.027.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	(82.818.465.000)	(82.818.465.000)
- Tặng khác	-	-	-	1.680.950.246	1.680.950.246
Số cuối năm	828.184.650.000	418.432.992.221	1.139.675.421.262	360.235.354.153	2.746.528.417.636
Năm nay:					
Số đầu năm	828.184.650.000	418.432.992.221	1.139.675.421.262	360.235.354.153	2.746.528.417.636
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	305.130.242.224	305.130.242.224
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	82.813.630.000	-	-	(82.813.630.000)	-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	208.684.633.153	(208.684.633.153)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(23.187.181.000)	(23.187.181.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị năm 2019	-	-	-	(2.514.000.000)	(2.514.000.000)
Số cuối năm	910.998.280.000	418.432.992.221	1.348.360.054.415	348.166.152.224	3.025.957.478.860

(*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2019. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 910.998.280.000 VND và Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Vào ngày 1 tháng 1	828.184.650.000	828.184.650.000
Tăng trong năm	82.813.630.000	-
Vào ngày 31 tháng 12	910.998.280.000	828.184.650.000

23.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	82.813.630.000	82.818.465.000
Cổ tức bằng cổ phiếu (0,1 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	82.813.630.000	-
Cổ tức bằng tiền (1.000VND/cổ phần)	-	82.818.465.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	82.813.630.000	82.818.465.000
Cổ tức bằng cổ phiếu (0,1 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	82.813.630.000	-
Cổ tức cho năm 2017	-	82.818.465.000

23.4 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	91.099.828	910.998.280.000	82.818.465	828.184.650.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	91.099.828	910.998.280.000	82.818.465	828.184.650.000
Cổ phiếu đang lưu hành	91.099.828	910.998.280.000	82.818.465	828.184.650.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2018:10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	7.299.931.189.964	6.795.512.334.046
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	6.457.926.986.644	5.848.240.126.354
<i>Doanh thu bán vật liệu, hàng hóa</i>	565.242.664.453	707.045.602.883
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ xây lắp</i>	276.761.538.867	240.226.604.809
Các khoản giảm trừ doanh thu	(113.174.016.215)	(121.206.863.230)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(108.251.309.101)	(116.361.853.435)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(1.348.593.379)	(628.422.560)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(3.574.113.735)	(4.216.587.235)
Doanh thu thuần	7.186.757.173.749	6.674.305.470.816
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	6.344.752.970.429	5.727.033.263.124
<i>Doanh thu bán vật liệu, hàng hóa</i>	565.242.664.453	707.045.602.883
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ xây lắp</i>	276.761.538.867	240.226.604.809

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	27.170.742.541	25.730.899.618
Lãi từ chuyển nhượng công ty con	-	15.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	309.542.459	51.027.604
TỔNG CỘNG	27.480.285.000	40.781.927.222

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.388.400.765.398	4.860.723.458.070
Giá vốn của vật liệu, hàng hóa đã bán	423.364.144.496	601.114.314.385
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ xây lắp	208.443.175.332	133.743.413.078
TỔNG CỘNG	6.020.208.085.226	5.595.581.185.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	267.546.339.711	258.384.611.438
- Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	25.095.911.193	14.890.459.245
- Chi phí nhân công	143.973.210.267	146.407.305.927
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.766.477.048	21.101.628.811
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.130.074.628	52.135.680.087
- Chi phí khác	28.580.666.575	23.849.537.368
Chi phí quản lý doanh nghiệp	293.922.671.278	281.328.855.897
- Chi phí văn phòng phẩm	13.133.246.485	21.057.074.982
- Chi phí nhân công	152.782.514.012	113.794.320.830
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.893.855.759	25.087.105.556
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.860.745.296	54.874.905.825
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và chi phí xóa nợ phải thu	-	40.621.380.760
- Chi phí khác	26.252.309.726	25.894.067.944
TỔNG CỘNG	<u>561.469.010.989</u>	<u>539.713.467.335</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	281.784.606.072	188.946.659.079
Lỗ chênh lệch tỷ giá	565.979.789	1.810.909
Chi phí tài chính khác	12.522.272.077	3.687.454.885
TỔNG CỘNG	<u>294.872.857.938</u>	<u>192.635.924.873</u>

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	6.690.778.889	14.617.568.062
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.744.503.051	3.032.849.296
Thanh lý nguyên liệu, phế liệu	-	218.717.486
Thu nhập khác	4.946.275.838	11.366.001.280
Chi phí khác	576.601.928	8.415.674.046
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	44.201.252	1.515.237.452
Chi phí khác	532.400.676	6.900.436.594
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>6.114.176.961</u>	<u>6.201.894.016</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.594.698.511.606	5.266.721.440.086
Chi phí nhân công	568.865.870.785	455.237.288.492
Chi phí khấu hao và hao mòn	312.349.785.065	259.642.777.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.120.498.982	226.209.224.575
Chi phí khác	228.893.965.678	194.221.276.955
TỔNG CỘNG	<u>7.041.928.632.116</u>	<u>6.402.032.007.352</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con trong năm hiện tại là 15% lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và 20% cho các hoạt động khác (năm 2018: 15% đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và 20% cho các hoạt động khác), ngoại trừ các công ty con bao gồm Công ty TNHH Lợn Giống Lạc Vệ, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển gia công gà, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Gia công lợn, Công ty TNHH Gà giống Dabaco, Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân, Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ và Công ty TNHH Lợn giống Lương Tài là đối tượng được miễn thuế TNDN trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế theo các Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho các công ty con bao gồm Công ty TNHH Lợn Giống Lạc Vệ, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Gia công lợn là 5% và các công ty con bao gồm Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển gia công gà, Công ty TNHH Gà giống Dabaco, Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân, Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ và Công ty TNHH Lợn giống Lương Tài đang được miễn thuế.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty và các công ty con đủ điều kiện để được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi (15%) đối với hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi trong năm theo hướng dẫn của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	39.921.204.333	33.123.360.160
TỔNG CỘNG	<u>39.921.204.333</u>	<u>33.123.360.160</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	345.051.446.557	393.358.714.313
Thuế TNDN theo thuế suất của từng hoạt động	27.649.248.548	32.905.770.458
Trong đó:		
Thuế suất 15% của hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi	17.347.419.174	23.424.659.219
Thuế suất 20% của các hoạt động khác	1.340.356.671	9.481.111.239
Thuế suất ưu đãi của hoạt động chăn nuôi	8.961.472.703	-
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí khấu hao ứng với phần vượt định mức	115.537.165	182.358.839
Chi phí khác không được khấu trừ	70.583.356	35.230.863
Lỗi năm trước chuyển sang	(7.554.528.025)	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại do lỗi chưa được ghi nhận	19.640.363.289	-
Chi phí thuế TNDN	39.921.204.333	33.123.360.160

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán năm.

30.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 134.127.572.783 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (1)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2019	Không được chuyển lỗ	Đơn vị tính: VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2019
2014	2019	30.121.914.687	(30.121.914.687)	-	-
2015	2020	15.418.885.682	(15.418.885.682)	-	-
2016	2021	15.192.483.234	(15.192.483.234)	-	-
2017	2022	40.745.531.014	(40.745.531.014)	-	-
2018	2023	69.788.160.994	(49.611.745.874)	-	20.176.415.120
2019	2024	113.951.157.663	-	-	113.951.157.663
TỔNG CỘNG		285.218.133.274	(151.090.560.491)	-	134.127.572.783

(1) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với khoản lỗ thuế của các công ty con do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2019 bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco	Công ty liên kết	Tạm ứng mua thực phẩm chế biến	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Transeco	Công ty liên kết	Phân bổ chi phí sử dụng tài sản	1.204.380.528	1.204.380.528
		Tiền nhận trong năm	4.349.381.117	14.079.749.179

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i>				
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco	Công ty liên kết	15.000.000.000	15.000.000.000	
<i>Phải thu khác từ thành viên quản lý chủ chốt (Thuyết minh số 7)</i>		10.000.000.000	10.000.000.000	
<i>Phải trả người bán (Thuyết minh số 16)</i>				
Công ty Cổ phần Transeco	Công ty liên kết	16.020.369.240	12.875.368.651	
<i>Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 17)</i>				
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco	Công ty liên kết	42.210.000	28.116.000	

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	7.294.952.000	7.534.557.000
TỔNG CỘNG	7.294.952.000	7.534.557.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	305.130.242.224	360.235.354.153
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 23) (*)	-	(23.187.181.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	305.130.242.224	337.048.173.153
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	91.099.828	91.099.828
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.	91.099.828	91.099.828

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2019. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

(**) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của năm 2018 đã được điều chỉnh hồi tố do số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên từ giao dịch chia cổ tức bằng cổ phiếu như trình bày tại thuyết minh số 23.1.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.349	3.700
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.349	3.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Toàn bộ các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi và nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp	Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu thuần				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.307.878.163.566	265.516.461.417	4.613.362.548.766	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	5.280.088.881.019	60.116.974.953	2.511.443.562.263	7.186.757.173.749
Tổng doanh thu thuần	7.587.967.044.585	325.633.436.370	7.124.806.111.029	7.186.757.173.749
Kết quả				
Lợi nhuận trước thuế	243.105.798.984	63.765.213.152	79.066.646.168	345.051.446.557
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(27.379.065.182)	(9.961.441.132)	(2.580.698.019)	(39.921.204.333)
Lợi nhuận thuần sau thuế	215.726.733.802	53.803.772.020	76.485.948.149	305.130.242.224
Tài sản và nợ phải trả				
Tổng tài sản	6.624.266.876.555	637.458.105.797	4.657.179.156.814	9.591.924.923.000
Tài sản bộ phận	6.624.266.876.555	637.458.105.797	4.657.179.156.814	8.855.354.315.016
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	736.570.607.984	736.570.607.984
Tổng nợ phải trả	5.614.805.035.980	169.122.991.001	4.051.074.914.649	6.565.967.444.140
Nợ phải trả bộ phận	5.614.805.035.980	169.122.991.001	4.051.074.914.649	6.565.967.444.140

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản đầu tư tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi và nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp	Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày						
Doanh thu thuần						
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.590.630.996.867	203.843.730.707	3.879.830.743.242	-	6.674.305.470.816	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	3.714.554.179.885	129.025.185.810	1.385.744.132.641	(5.229.323.498.336)	-	
Tổng doanh thu thuần	6.305.185.176.752	332.868.916.517	5.265.574.875.883	(5.229.323.498.336)	6.674.305.470.816	
Kết quả						
Lợi nhuận trước thuế	163.662.890.090	84.102.506.538	157.331.896.921	(11.738.579.236)	393.358.714.313	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(15.598.538.389)	(16.823.361.971)	(701.459.800)	-	(33.123.360.160)	
Lợi nhuận thuần sau thuế	148.064.351.701	67.279.144.567	156.630.437.121	(11.738.579.236)	360.235.354.153	
Tài sản và nợ phải trả						
Tổng tài sản	5.998.748.955.165	482.032.913.803	3.540.235.710.148	(1.671.004.129.929)	8.350.013.449.187	
Tài sản bộ phận	5.998.748.955.165	482.032.913.803	3.540.235.710.148	(2.286.616.020.561)	7.734.401.558.555	
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	615.611.890.632	615.611.890.632	
Tổng nợ phải trả	4.733.414.501.290	125.085.054.560	3.240.202.974.645	(2.495.217.498.944)	5.603.485.031.551	
Nợ phải trả bộ phận	4.733.414.501.290	125.085.054.560	3.240.202.974.645	(2.495.217.498.944)	5.603.485.031.551	

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết đầu tư

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các cam kết góp vốn đầu tư vào các công ty con như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường Vành đai III và TL295B Từ Sơn	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hòa Văn Miếu Bắc Ninh	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Khúc Xuyên	43.000.000.000	43.000.000.000
Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn L'Indochina	30.630.222.959	30.630.222.959
Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bất động sản Dabaco	-	70.000.000.000
Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ	-	50.000.000.000
Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài	-	40.000.000.000
Công ty TNHH Cánh Dabaco Tân Chi	-	10.000.000.000
Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco	-	100.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>418.630.222.959</u>	<u>688.630.222.959</u>

Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai liên quan đến các lô đất dùng để xây dựng nhà máy sản xuất, văn phòng và để phát triển các dự án bất động sản theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.928.981.082	1.928.981.082
Trên 1 - 5 năm	9.522.757.410	9.522.757.410
Trên 5 năm	70.639.412.034	72.568.393.116
TỔNG CỘNG	<u>82.091.150.526</u>	<u>84.020.131.608</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Như So
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 11 tháng 3 năm 2020

